

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

*(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG
BINH DUONG MINERAL AND
CONSTRUCTION JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 15/2019/KSB

Bình Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2019
Binhduong, Apr. 18..2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY
DỰNG BÌNH DƯƠNG/ BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: **KSB**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận
An, Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong highway, Thuan Giao ward, Thuan An town, Binh
Duong province.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0274.3822.602

- Fax: 0274.3823922

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: **Nguyễn Quốc Phòng**

- Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo thường niên năm 2018 / *Annual report 2018*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18./4./2019 tại đường dẫn <http://www.bimico.com.vn>

This information was disclosed on Company on Apr..18, 2019 Available at: <http://www.bimico.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/*Attachment*

BC thường niên năm 2018

Annual report 2018

Đại diện tổ chức

Organization representation

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



Nguyễn Quốc Phòng



MỞ RỘNG QUY MÔ
TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

MỤC LỤC

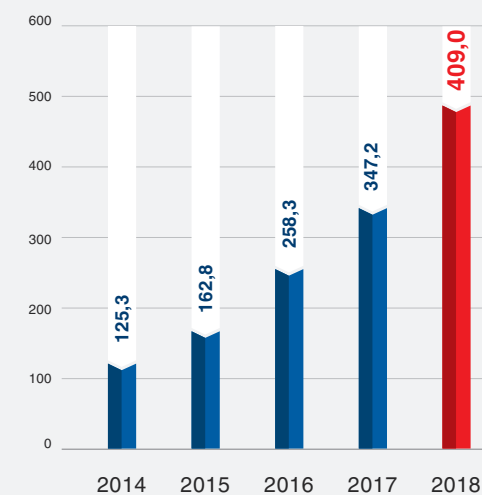
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BIMICO		BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018			
Chỉ tiêu tài chính nổi bật	04	Thông tin chung	12	Giới thiệu Hội đồng Quản trị	34	Hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông	64	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	76	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	96
Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	06	Chặng đường hình thành và phát triển	14	Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	36	Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	64	Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội	80	Báo cáo kiểm toán độc lập	98
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	08	Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	16	Giới thiệu Ban Kiểm soát	39	Hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập	67	Hoạt động cộng đồng xã hội	82	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	99
		Khách hàng tiêu biểu	16	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	40	Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị	68	Hoạt động văn hóa đoàn thể	84	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	100
		Các sản phẩm tiêu biểu	17	Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019	50	Định hướng của Hội Đồng Quản Trị 2019	69	Chính sách liên quan đến người lao động	88	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	102
		Các nhà máy và xí nghiệp	18	Phân tích tài chính	56	Hoạt động của Ban Kiểm soát	70	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	92	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	103
		Các nguồn lực	20			Đánh giá của Ban Kiểm soát	71				
		Các giải thưởng tiêu biểu năm 2018	22			Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích của cổ đông	72				
		Sơ đồ tổ chức	24			Cơ cấu Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	73				
		Định hướng phát triển	26								
		Quản trị rủi ro	30								



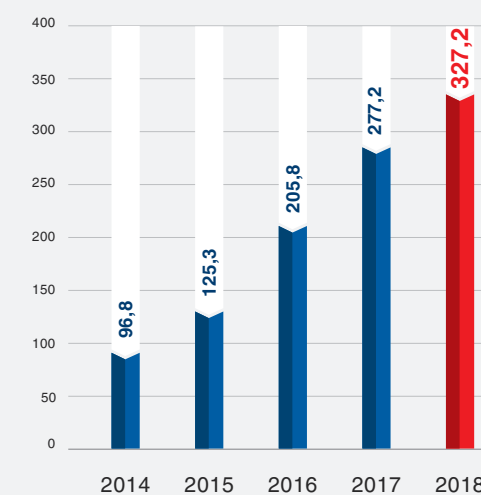
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần	624,0	737,8	849,8	1.094,1	1.169,0
Lợi nhuận gộp	219,6	263,8	343,1	434,2	570,5
Lợi nhuận trước thuế	125,3	162,8	258,3	347,2	409,0
Lợi nhuận sau thuế	96,8	125,3	205,8	277,2	327,2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản	780,1	839,0	973,7	1.430,5	2.896,8
Vốn chủ sở hữu	486,1	523,5	609,2	758,4	1.021,1
Vốn điều lệ	180,0	234,0	234,0	468,0	537,8
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Tỷ lệ lợi nhuận gộp	35,2%	35,8%	40,4%	39,7%	48,8%
Tỷ lệ lợi nhuận thuần	15,5%	17,0%	24,2%	25,3%	28,0%
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	12,4%	15,5%	22,7%	23,1%	15,1%
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	19,9%	24,8%	36,3%	40,5%	36,8%

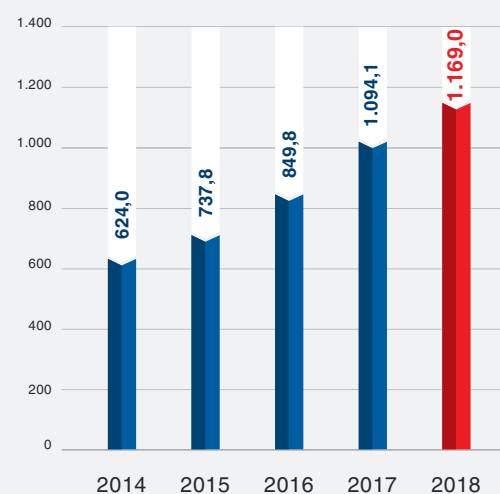
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(ĐVT: Tỷ đồng)



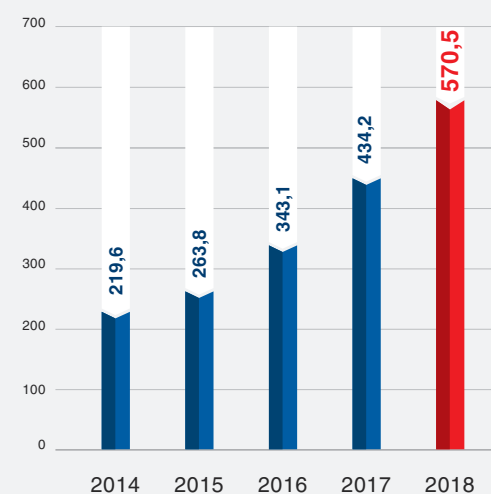
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(ĐVT: Tỷ đồng)



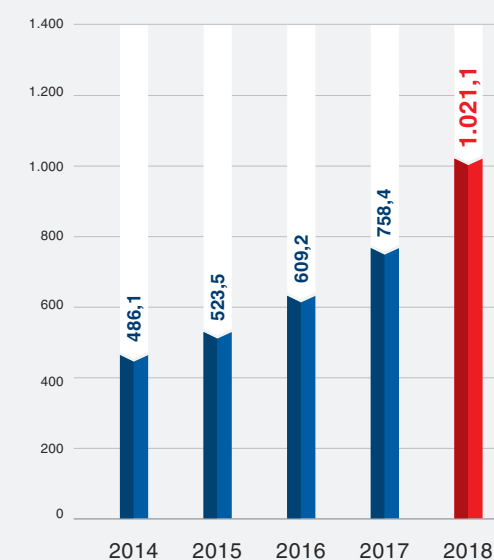
DOANH THU THUẦN
(ĐVT: Tỷ đồng)



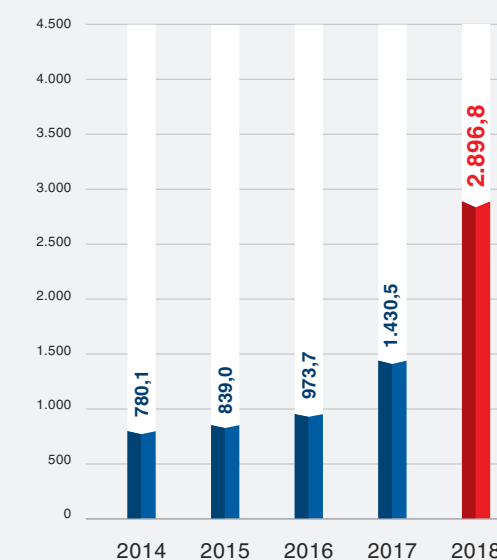
LỢI NHUẬN GỘP
(ĐVT: Tỷ đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(ĐVT: Tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN
(ĐVT: Tỷ đồng)



TẦM NHÌN

Đến năm 2020 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao.

SỨ MỆNH

Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ.



TỔNG DOANH THU NĂM 2018

1.216

TỶ ĐỒNG

BIMICO LUÔN TỰ HÀO LÀ MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG TRONG NGÀNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG. NHỮNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI LUÔN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO VÀ ĐƯỢC TIN DÙNG BỞI NHIỀU NHÀ ĐẦU TƯ, NHÀ THẦU LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG.

Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác và Toàn thể CBCNV,

Năm 2018, sự phát triển ổn định về kinh tế, chính trị trong nước là yếu tố tác động tích cực đến các khách hàng của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 3,11%). Mức cạnh tranh ngày càng gia tăng, dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Trước tình hình đó, với sự hỗ trợ tận tình của các cơ quan ban ngành, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT cùng với sự cố gắng nỗ lực của BGD, các phòng ban, đơn vị và tập thể CBCNV, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã đạt được kết quả đáng khích lệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã thực hiện vượt mức các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ giao phó, cụ thể:

➔ Tổng Doanh thu: 1.216 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch (Bao gồm: Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác).

➔ Lợi nhuận trước thuế: 409 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch;

➔ Nộp ngân sách: 285 tỷ đồng đạt 125% kế hoạch.

Với lịch sử hơn 25 năm hoạt động và trải qua nhiều chu kỳ của nền kinh tế, BIMICO luôn chủ động để có chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn nhằm phát huy các thế mạnh nội tại, tận dụng cơ hội từ thị trường.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, BIMICO luôn coi doanh nghiệp là một phần của xã hội, cam kết hành động nhất quán, chia sẻ lợi ích và đồng hành phát triển cùng cộng đồng và xã hội. Hỗ trợ giáo dục, xây dựng trường học, ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn ở những vùng gặp thiên tai... là những hoạt động nhân đạo và nhân văn sâu sắc mà BIMICO đã

luôn theo đuổi trong suốt lịch sử hoạt động của mình.

Trên cơ sở nhận biết và nắm rõ được vị thế của Công ty, sức mạnh nguồn lực nội tại đang sở hữu, mối quan hệ tốt với các đối tác, cơ quan quản lý... cũng như định hướng và mục tiêu phát triển, Ban lãnh đạo đã xác định nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp cụ thể để vượt qua những khó khăn do thị trường mang lại, tiếp tục phát huy những thành quả mà Công ty đạt được trong thời gian qua.

Thành công của BIMICO hôm nay có được là nhờ vào sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV, nhờ vào sự

ủng hộ nhiệt thành của các Quý khách hàng, đối tác trong, ngoài nước và Quý cổ đông. Tôi tin rằng, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV cùng sự chỉ đạo sát sao của Công ty, sự ủng hộ của các đối tác, cơ quan quản lý..., BIMICO sẽ chinh phục thành công các mục tiêu chiến lược và không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp, đóng góp cho cộng đồng – xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến toàn thể Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, các Quý cơ quan, đoàn thể đã luôn tin tưởng, hợp tác và ủng hộ chúng tôi. Xin được gửi tới toàn

thể CBCNV lời tri ân sâu sắc nhất vì những đóng góp, cống hiến cho quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu BIMICO.

Trân trọng.



PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BIMICO

Thông tin chung	12
Chặng đường hình thành và phát triển	14
Lĩnh vực kinh doanh và địa bàn kinh doanh	16
Khách hàng tiêu biểu	16
Các sản phẩm tiêu biểu	17
Các nhà máy và xí nghiệp	18
Các nguồn lực cho sự phát triển bền vững	20
Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2018	22
Sơ đồ tổ chức	24
Định hướng phát triển	26
Quản trị rủi ro	30

TỪ SỨC MẠNH **NỀN TẢNG** CHO **NIỀM TIN LAN TỎA**

VỚI THỂ MẠNH VỀ TRỮ LƯỢNG TÀI NGUYÊN LỚN, VỊ TRÍ THUẬN LỢI, CÔNG NGHỆ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN HIỆN ĐẠI, HỆ THỐNG PHÂN PHỐI MẠNH, SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO ĐƯỢC XEM LÀ THỂ MẠNH CỐT LÕI, LÀ NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO SỰ PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG TRƯỞNG CỦA BIMICO TRONG TƯƠNG LAI.

”



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**
Tên tiếng Anh : **BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt : **BIMICO**
Địa chỉ : Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Giấy ĐKKD : Số 3700148825 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/04/2006.
Website : **www.bimico.com.vn**

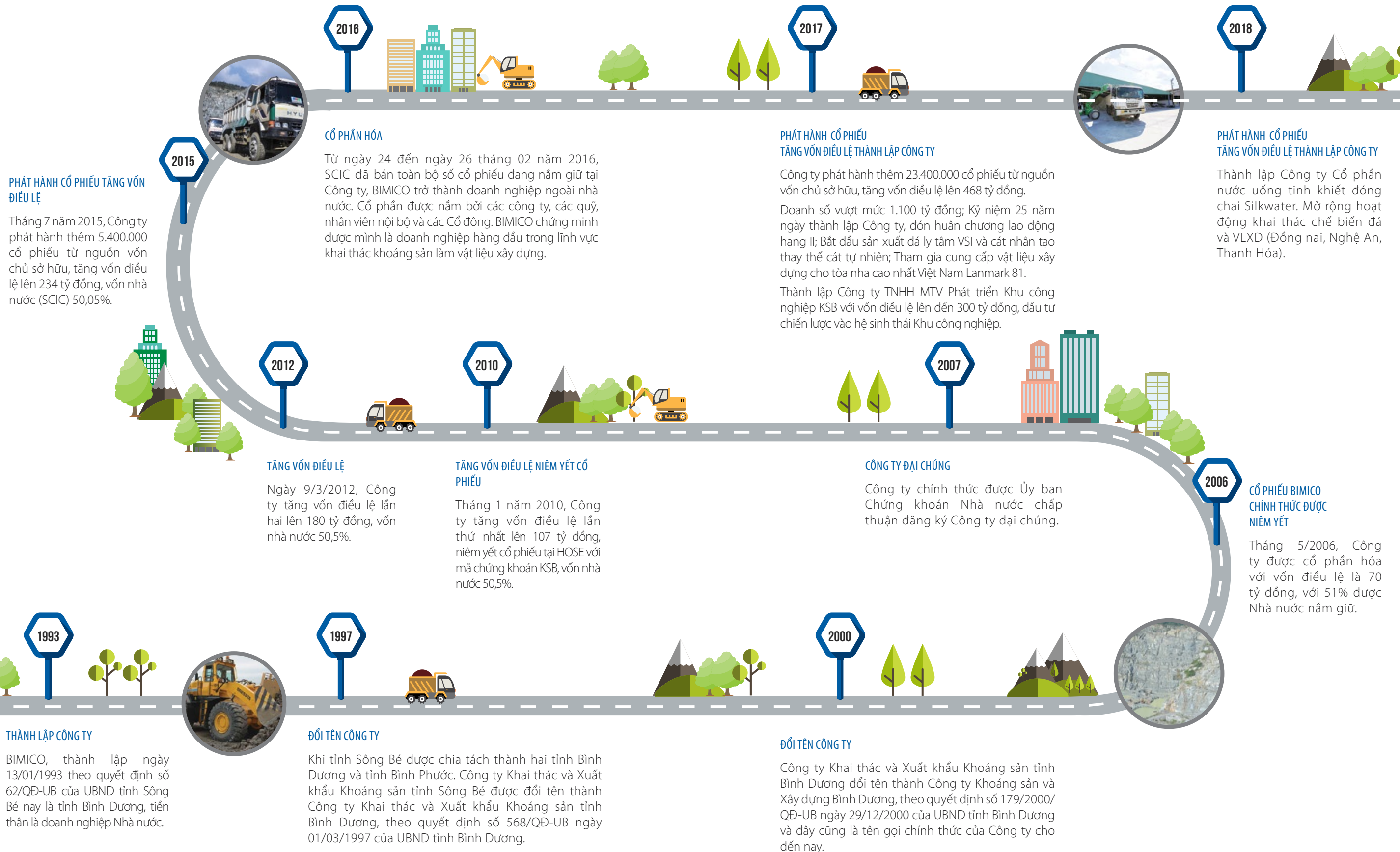
THÔNG TIN LIÊN HỆ

Điện thoại : (0274) 3822.602
Fax : (0274) 3823.922
Email : info@bimico.com.vn

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu : **KSB**
Địa chỉ niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM - HOSE
Vốn điều lệ : **537.798.820.000 đồng** (Năm trăm ba mươi bảy tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng)





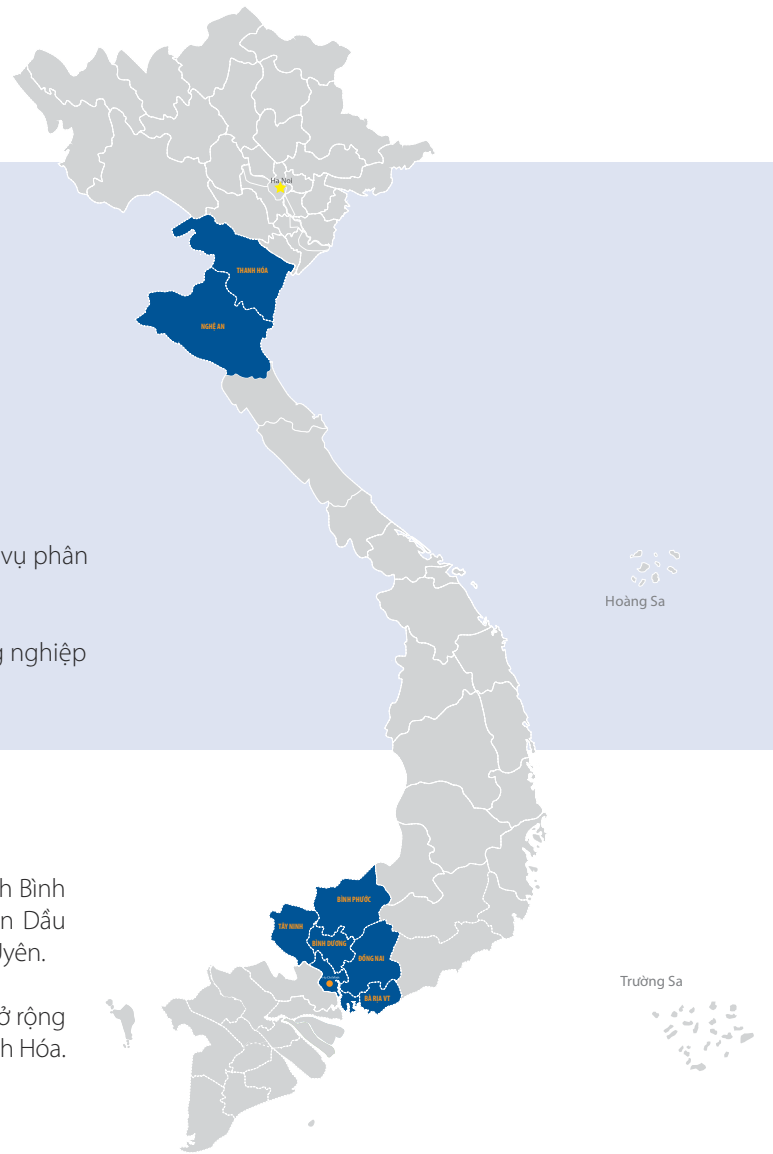
CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

- » Sản xuất vật liệu xây dựng: sản xuất cát xây dựng; cống bê tông; đá xây dựng; gạch tuynel.
- » Khai thác và chế biến khoáng sản: khai thác và chế biến đất sét; khai thác và chế biến cao lanh.
- » Dịch vụ: dịch vụ xây dựng; nước uống tinh khiết; dịch vụ phân phối vật liệu xây dựng; dịch vụ vận tải.
- » Bất động sản - công nghiệp: phát triển BĐS khu công nghiệp

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ở tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Hoạt động khai thác tại các huyện Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, thị xã Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên.

Năm 2018, Công ty đã tiến hành đầu tư một số mỏ mới, mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh tại Đồng Nai, Nghệ An và Thanh Hóa.



KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



ĐÁ XÂY DỰNG

Nguồn đá của BIMICO được đánh giá có chất lượng tốt nhất Đông Nam Bộ. Sản phẩm đá xây dựng đạt tiêu chuẩn ngành đặc biệt sản phẩm đá ly tâm cho ứng dụng bê tông cao cấp. Các sản phẩm đá xây dựng của BIMICO được cấp chứng nhận ISO 9001:2015



KAOLIN

BIMICO sở hữu mỏ Kaolin với trữ lượng lớn, Công ty hiện đang khai thác và chế biến các loại cao lanh lọc và cao lanh bột phục vụ cho các ngành công nghiệp như sản xuất, gốm sứ, ceramic, sơn, nhựa, chế biến cao su và chất độn cho các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn gia súc.



GẠCH TUYNEL

Nhà máy gạch ngói với công suất 45 triệu viên/năm, hệ thống chế biến tạo hình của hãng Technos (Hàn Quốc), công nghệ nung sấy của Bungari, nguyên liệu sét chất lượng cao từ mỏ sét Bồ Lả. Các sản phẩm gạch Tuynel của BIMICO được quản trị chất lượng chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến tạo hình và nung sấy, cho ra sản phẩm đồng bộ, chất lượng cao.



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

Nước khoáng BIMICO được khai thác từ nguồn nước sạch, chất lượng cao, hàm lượng chất khoáng dồi dào, vị thanh nhẹ, công suất khai thác lớn. Thương hiệu nước tinh khiết BIMICO đã có mặt và trở thành sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng Bình Dương.



BDS - KHU CÔNG NGHIỆP

Khu Công nghiệp KSB có tổng diện tích là 553 ha theo văn bản số 756/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương, bao gồm 2 khu A và B. Nằm trong khu vực tứ giác kinh tế trọng điểm phía Nam (Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai), cách TP. Hồ Chí Minh 50km và thành phố Thủ Dầu Một 30km.





XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN ĐÔNG HIỆP

Địa chỉ: 506/1A, Kp. Tân An, P. Tân Đông Hiệp, Tx. Dĩ An, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 23 ha.
Trữ lượng: 4.863.716 m³ (nguyên khối).
Công suất: 2.341.858 m³/năm (nguyên khối).
Mô lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng công suất 150 – 250 tấn/h.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ PHƯỚC VĨNH

Địa chỉ: Kp. 3, TT Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, Bình Dương.
Diện tích: 29,62 ha, quy hoạch mở rộng 30 ha.
Trữ lượng: 5.735.796 m³ (nguyên khối).
Công suất: 1,2 triệu m³/năm (nguyên khối).
Sản phẩm đa dạng: 1x2, 0x4, 4x6, mi bụi, mi sàng, đá hộc.
Mô lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 350 tấn/h.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.



XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN MỸ

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Mỹ, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 41 ha.
Trữ lượng: 22 triệu m³ nguyên khối.
Công suất: 1,5 triệu m³/năm (nguyên khối).
Khai thác lộ thiên bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 350 tấn/h, đường vận tải và hệ thống cảng sông độc lập thuận lợi cho việc vận chuyển thủy và bộ.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KSB IDC

Địa chỉ: Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương
Khu Công nghiệp Đất Cước nằm trong tổng thể khu phát triển kinh tế – đô thị của tỉnh Bình Dương. Địa thế đẹp, điều kiện xây dựng thuận lợi, cơ sở hạ tầng trong khu hoàn thiện, chất lượng tốt, là nơi lý tưởng sẽ mang đến sự thành công cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.



XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT BÊ TÔNG

Địa chỉ: N4-D3, KCN Đất Cước, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Công nghệ: Công nghệ quay ly tâm,
Công nghệ rung lõi của CHLB Đức.
Công suất: 60.000 m³/năm.
Xí nghiệp sản xuất bê tông sản xuất các loại cống tròn, cống hộp và các cấu kiện bê tông đúc sẵn với nhiều loại kích thước khác nhau. Đội ngũ công nhân lành nghề, cung cấp các dịch vụ vận chuyển, cầu ráp cống theo yêu cầu của khách hàng.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.



XÍ NGHIỆP CAO LẠNH TÂN THÀNH

Địa chỉ 1: Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cước, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương (xưởng chế biến).
Địa chỉ 2: Ấp 1, Xã Tân Lập, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương (mỏ cao lạnh).
Diện tích khai thác: 24 ha.
Trữ lượng cấp phép: 1,25 triệu m³.
(Đã khai thác hết)

NHÀ MÁY GẠCH BÌNH PHÚ

Địa chỉ: Đường ĐT 746, tổ 4, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Diện tích nhà xưởng: 20.000 m²
Nguyên liệu: Đất sét chọn lọc.
Công suất: 45 triệu viên/năm.
Các sản phẩm của nhà máy gạch Tuynel Bình Phú đa dạng về chủng loại, mẫu mã đẹp được trung tâm QUACERT giám sát và chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 1450:2009.
Hệ thống chế biến tạo hình của hãng Technos (Hàn Quốc), công nghệ nung sấy Bungari.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.



CHI NHÁNH KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN CAO LẠNH MINH LONG

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Minh Long, H. Chơn Thành, Bình Phước.
Diện tích khai thác: 64 ha.
Trữ lượng: 12.150.000 tấn (dưới rây).
Công suất: 450.000 tấn/năm.
Mỏ Cao Lạnh Minh Long là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu Cao Lạnh chất lượng, ổn định và lâu dài đến năm 2038 cho các nhà máy Ceramic và nhà máy phân bón trong khu vực Miền Nam.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

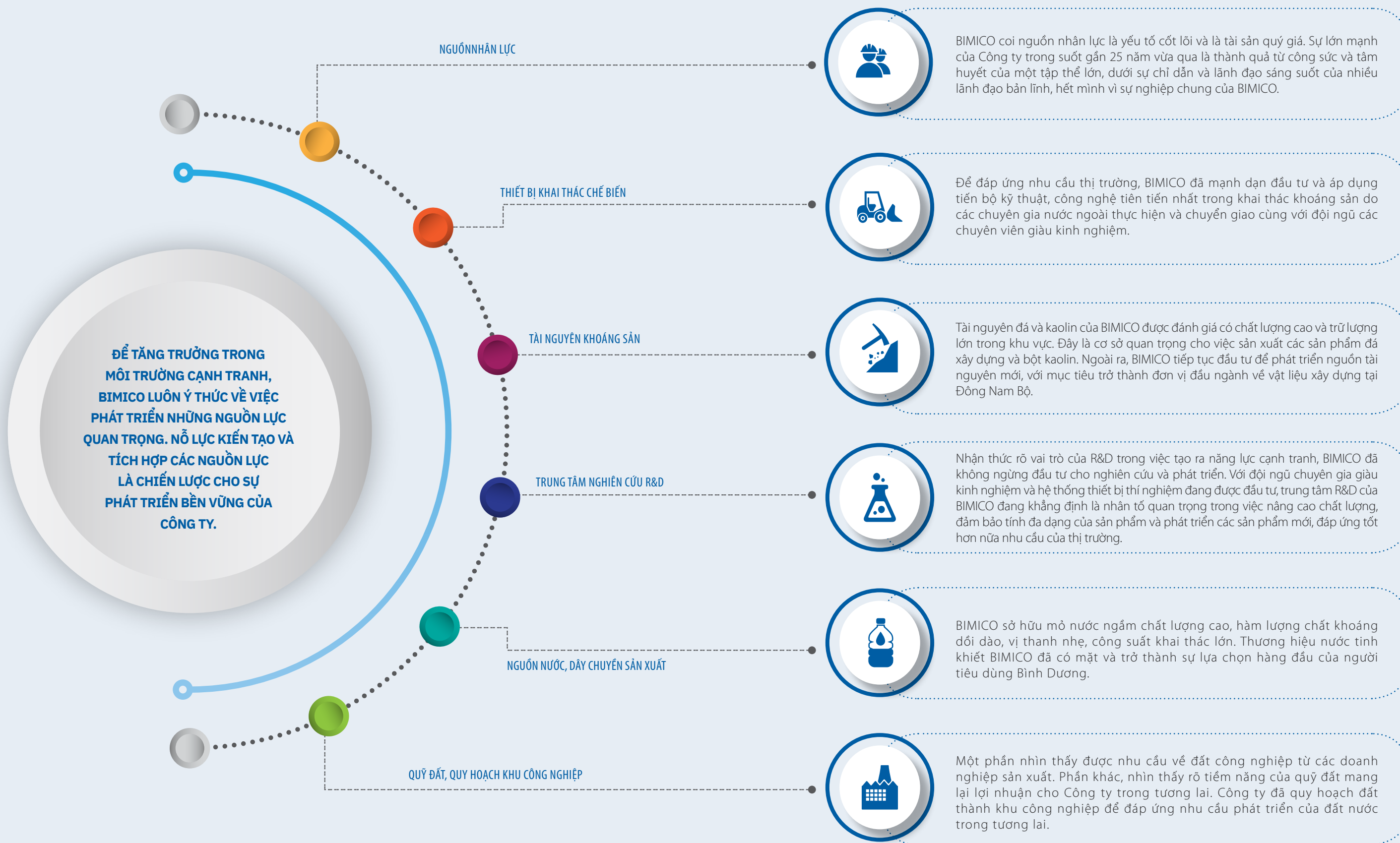
CÔNG TY CP NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI SILKWATER

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Kp. Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, Tx. Thuận An, Bình Dương.
Nước uống BIMICO có độ tinh khiết hoàn hảo được sản xuất từ nước ngầm tầng sâu, công nghệ tiên tiến của Hoa Kỳ, đầu dò pH tự động, lọc RO, hệ thống đóng chai tự động, môi trường trong sạch. Sản phẩm được trung tâm QUACERT giám sát chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6 – 1:2010/BYT.
Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.



XÍ NGHIỆP KHAI THÁC SÉT GẠCH NGÔI PHƯỚC HOÀ

Địa chỉ: Ấp Bồ Lá, xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 11,717 ha.
Trữ lượng: 1.488.532 m³ nguyên khối tương ứng 1.935.092m³ nở rời.
Công suất: 250.000m³/năm sét nguyên khối tương đương 325.000m³/năm sét nở rời.
Khai thác lộ thiên: Sử dụng máy xúc thủy lực xúc bốc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.





BIMICO(KSB) VINH DỰ NHẬN
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG II
do Chủ tịch nước tặng



BIMICO(KSB) VINH DỰ NHẬN GIẢI
TOP 100 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2018
Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao Giải



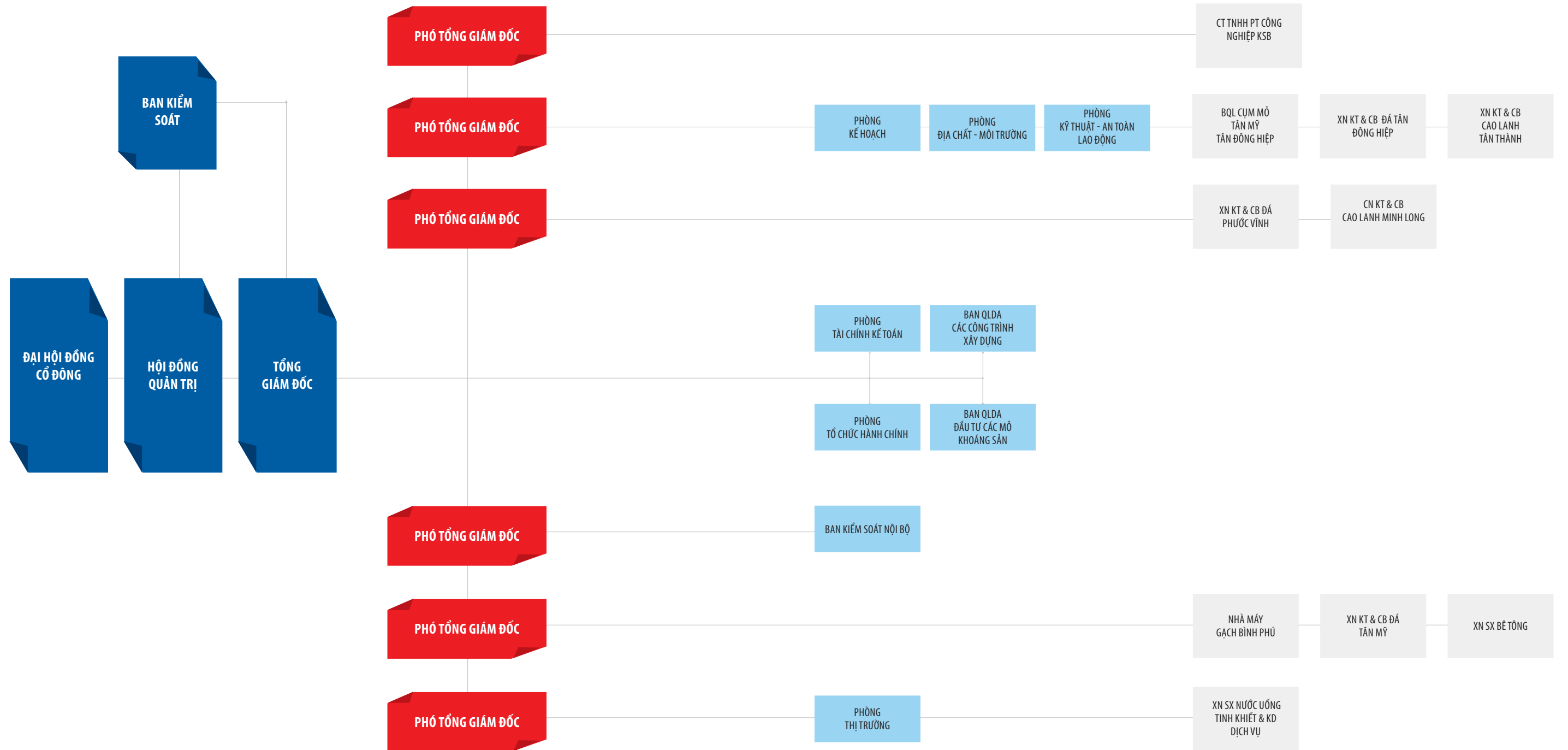
BIMICO(KSB) VINH DỰ NHẬN GIẢI
**TOP 200 DOANH NGHIỆP
KINH DOANH HIỆU QUẢ CỦA CHÂU Á**
do Forbes bình chọn



BIMICO(KSB) ĐÃ ĐƯỢC VINH DANH
**DOANH NGHIỆP VẬT LIỆU
XÂY DỰNG BMF 2018**
Do Diễn đàn Doanh nghiệp Vật liệu Xây dựng bình chọn



BIMICO(KSB) VINH DỰ NHẬN GIẢI THƯỞNG
**RỒNG VÀNG 2018
& THƯƠNG HIỆU MẠNH
VIỆT NAM 2017 - 2018**
Do Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn






CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
I Công ty Con				
1	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Bình Dương	100%	Phát Triển Khu Công Nghiệp
2	Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long	Đồng Nai	100%	Khai thác khoáng sản
3	Công ty TNHH Huệ Minh	Nghệ An	100%	Khai thác khoáng sản
4	Công ty Cổ phần nước uống tinh khiết đóng chai Silkwater	Bình Dương	51%	Sản xuất nước đóng chai
II Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Thanh Hóa	35%	Cung cấp vật liệu xây dựng



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

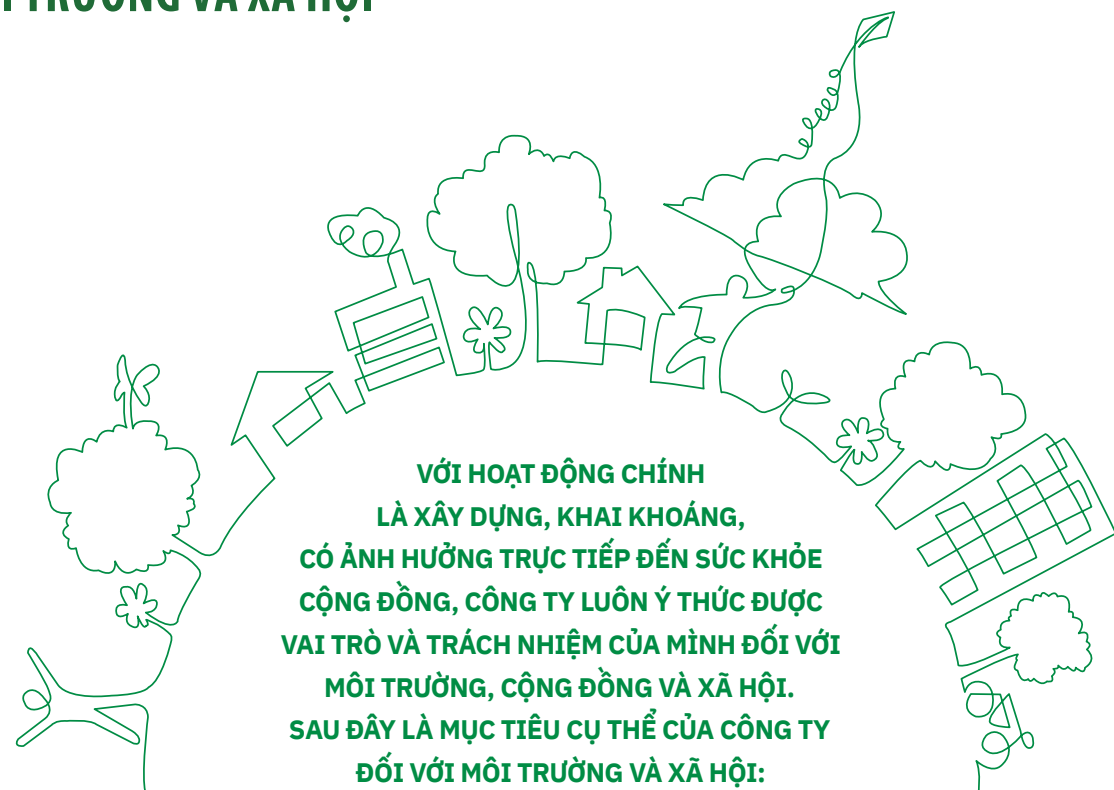
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020 TRỞ THÀNH NHÀ CUNG CẤP HÀNG ĐẦU ĐÔNG NAM BỘ VỀ SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG, ĐẶC BIỆT LÀ ĐÁ XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO.

-  Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của Công ty.
-  Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới.
-  Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
-  Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho Công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.
-  Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho Công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.
-  Giữ vững vị thế của Công ty trên thị trường: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
-  Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
-  Thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực. Đồng thời, BIMICO luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- » Bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CỦA BIMICO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN CÔNG TY. CÁC RỦI RO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN, CHỦ TRÌ THỰC HIỆN Ở CẤP LÃNH ĐẠO CAO NHẤT DỰA TRÊN CÁC BÁO CÁO CHI TIẾT CỦA TẤT CẢ PHÒNG BAN, BỘ PHẬN. TỪ CÁC RỦI RO VÀ MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC SẼ TRỰC TIẾP ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên vật liệu tăng, giá dầu, năng lượng,... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2018, tăng trưởng GDP Việt Nam tăng 7,08% vượt chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch 6,7% đề ra trước đó. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 3,11%). Mức cạnh tranh ngày càng gia tăng, dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, do đó nhiều văn bản pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Do đặc thù ngành nghề của Công ty nên doanh thu của BIMICO phụ thuộc lớn vào mảng khai thác và chế biến khoáng sản. Gần 65% doanh thu của BIMICO đến từ hoạt động khai thác và chế biến các loại đá ở các mỏ

Tân Đông Hiệp, Phước Vĩnh và Tân Mỹ. Đồng thời, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản cũng có những tác động đến môi trường và dân cư (vận chuyển làm hỏng đường, nổ mìn gây sạt lún, hư hỏng các công trình xây dựng của người dân,...) có thể làm gián đoạn hoạt động khai thác, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm, Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Các ngành nghề còn lại đang hoạt động với tính chất nhỏ lẻ, chiếm thị phần nhỏ và khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản trị tài nguyên của quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việt Nam vẫn luôn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Trong tình trạng trữ lượng tài nguyên khai thác không tái tạo được ngày càng sụt giảm, cộng với đó là sự hạn chế trong việc quản trị tài nguyên môi trường dẫn đến những khó khăn đặc trưng cho Công ty. Ngoài ra, các yếu tố về trữ lượng, hàm lượng khoáng, chất lượng khoáng sản khai thác... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẦU RA

Trong lịch sử, giá của khoáng sản đã giảm từ 2-4 lần vào thời kỳ khủng hoảng. Điều này cho thấy ngành khoáng sản rất nhạy cảm với hiện trạng của nền kinh tế.

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của dư luận.

CẠNH TRANH TRONG NỘI BỘ NGÀNH

Hiện nay cả nước có khoảng 2.000 điểm khai thác – chế biến khoáng sản có đăng ký hợp pháp, bên cạnh hàng trăm nghìn cơ sở khai thác bất hợp pháp khác cùng cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh chủ yếu giữa các doanh nghiệp cùng khai thác một loại khoáng sản là cạnh tranh về giá, cạnh tranh về hàm lượng khoáng sản tinh chế, cạnh tranh trong việc xin cấp phép mỏ.

RỦI RO TRONG VIỆC THĂM DÒ, KHAI THÁC

Một đặc thù của ngành Khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian (2-3 năm), nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí sẽ là rất lớn. Bên cạnh đó, việc được cấp phép thăm dò và khai thác các mỏ mới được áp dụng theo hình thức đấu thầu, do vậy chi phí ban đầu càng bị đẩy lên cao.

2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giới thiệu Hội đồng Quản trị	34
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	36
Giới thiệu Ban Kiểm soát	39
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	40
Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019	50
Phân tích tài chính	56

MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ BẰNG CHIẾN LƯỢC ĐỘT PHÁ

NĂM 2018, BIMICO (KSB) KHÔNG NGỪNG NỖ LỰC XÂY DỰNG CHUỖI CÁC SẢN PHẨM TRÊN QUY MÔ LỚN, CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÍA NAM. NGOÀI RA, BIMICO ĐANG ĐẨY MẠNH SANG ĐẦU TƯ BĐS KHU CÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÀ XUỞNG, VỪA CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ NHÀ Ở, DỊCH VỤ TÀI CHÍNH, VẬN CHUYỂN, Y TẾ, GIÁO DỤC, VĂN HOÁ, GIẢI TRÍ...

”





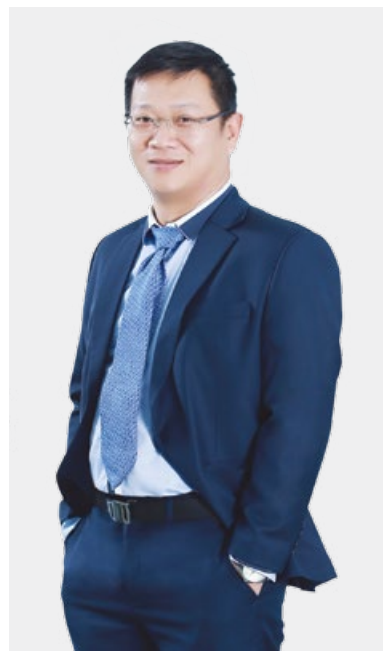
Ông **PHAN TẤN ĐẠT**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.

Năm 2009 – 2014 Ông giữ chức vụ Phó giám đốc Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản Lâm nghiệp Việt Nam; thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Trần Đức.

Từ năm 2015 đến nay Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước. (Công ty Cổ phần DRH Holdings)

Từ năm 2016 đến nay, Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **NGUYỄN QUỐC PHÒNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế Toán – Tài Chính tại nhiều Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế Toán trưởng Chi nhánh Tổng Công ty Vật Tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc Công ty Cổ phần VINACAM giai đoạn 2005-2008. Phó Tổng Giám đốc Tài Chính tại Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao giai đoạn 2009 – 2013 và Phó Giám đốc phụ trách Tài Chính – Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay Ông Nguyễn Quốc Phòng là thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **HOÀNG VĂN LỘC**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Lộc đã từng là Phó ban phân vùng kinh tế, Trưởng phòng Tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé cũ (nay là tỉnh Bình Dương, Chi cục phó Chi cục QL Tài nguyên Khoáng sản tỉnh Sông Bé.

Từ năm 1993, Ông Hoàng Văn Lộc là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Năm 2006 đến nay Ông Hoàng Văn Lộc là thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương



Ông **TRẦN NGỌC ĐÌNH**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Đình đã có nhiều năm là lãnh đạo cấp cao tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường. Ông đã từng là Phó Giám đốc Công ty Môi trường Glowtee; Tổng Giám đốc Công ty Môi trường Á Đông; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thể thao Bình Minh.

Từ năm 2016 đến nay, Ông Trần Ngọc Đình là Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà mơ ước (Công ty Cổ phần DRH Holdings) và thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **CHÂU ANH TUẤN**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Châu Anh Tuấn là người có kinh nghiệm quản lý và điều hành tại nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Ông hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Socon Vietnam, Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (Descon) và là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Tháng 11/2018, Ông Châu Anh Tuấn xin thôi làm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương vì lý do cá nhân.



Ông **TÔN THẮT DIỄN KHOA**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Tôn Thất Diên Khoa là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tại doanh nghiệp, am hiểu sâu rộng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Từ tháng 08 năm 1995 đến tháng 06 năm 2006 : Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ tại phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN, TP.HCM.

Từ tháng 07 năm 2006 : Ông là Giám đốc Đầu tư Tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN, TP.HCM.

Từ tháng 03 năm 2008 : Ông là Thành viên Ban kiểm soát Công ty Vinaconex-ITC.

Từ tháng 05 năm 2010 : Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ phần Thủy sản Số 1.

Hiện Ông Tôn Thất Diên Khoa là Giám đốc Đầu tư Tài chính - Ngân hàng Eximbank Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



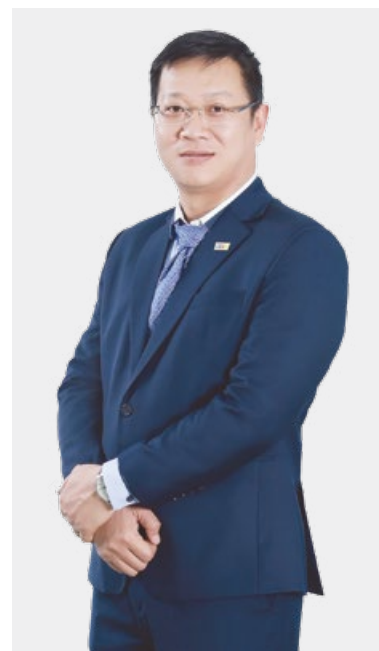
Ông **PHAN TẤN ĐẠT**
Tổng Giám đốc

Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.

Năm 2009 – 2014 Ông giữ chức vụ Phó giám đốc Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản Lâm nghiệp Việt Nam; thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Trần Đức.

Từ năm 2015 đến nay Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước.(Công ty Cổ phần DRH Holdings)

Từ năm 2016 đến nay, Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **NGUYỄN QUỐC PHÒNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế Toán – Tài Chính tại nhiều Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế Toán trưởng Chi nhánh Tổng Công Ty Vật Tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc Công ty Cổ phần VINACAM giai đoạn 2005-2008. Phó Tổng Giám đốc Tài Chính tại Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao giai đoạn 2009 – 2013 và Phó Giám đốc phụ trách Tài Chính – Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay Ông Nguyễn Quốc Phòng là thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **NGÔ TRỌNG NGHĨA**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Trọng Nghĩa đã từng nắm nhiều vị trí quản lý cao cấp nhiều đơn vị. Ông từng là Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An, Trưởng Ban quản lý dự án Công ty Xây dựng-Tư vấn-Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây dựng-Tư vấn-Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phú Mỹ.

Hiện nay Ông Ngô Trọng Nghĩa là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **HOÀNG VĂN LỘC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Lộc đã từng là Phó ban phân vùng kinh tế, Trưởng phòng tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé, Chi cục phó chi cục QL Tài Nguyên khoáng sản tỉnh Sông Bé.

Từ năm 1993, Ông Hoàng Văn Lộc là Phó giám đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương. Từ năm 2006, Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương.



Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại BIMICO từ năm 2000 và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Năm 2009, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Phước Vĩnh.

Năm 2013, ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 04 đơn vị trực thuộc BIMICO.

Hiện nay Ông Trần Đình Hà được giao phụ trách toàn bộ công tác thị trường của Công ty.



Ông **NGUYỄN HOÀNH SƠN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Sơn Tốt nghiệp đại học Mỏ - Địa chất - Ngành chế biến khoáng sản; Thạc Sĩ - Tài chính ngân hàng tại Đại học Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ - FNHW. Ông đã từng làm trưởng Ban quản lý dự án Titan pigment, trợ lý Hội đồng Quản trị tại Tổng Công ty KS và Thương Mại Hà Tĩnh. Từ năm 2010-2016 ông giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp nặng FPT.

Từ 2010 Ông sáng lập và làm chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần tư vấn KS Quốc Tế S.ON.

Từ tháng 11/2016 Ông Nguyễn Hoàng Sơn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, phụ trách về lĩnh vực: Chiến lược, R&D và công nghệ thông tin.



Ông **ĐẶNG QUANG THUNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Thung bắt đầu tham gia công tác quản lý điều hành tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương từ những năm đầu thành lập và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Từ năm 2004 đến nay, ông là Bí thư Đảng Ủy kiêm Chủ tịch Công đoàn của BIMICO.

Từ năm 2006 đến nay, Ông Đặng Quang Thung là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **LƯƠNG VÕ HÙNG**
Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng

Ông Lương Võ Hùng từng làm CFO Công ty TNHH MTV Hypertek thuộc tập đoàn Sacombank.

Từ 2012 – 2017 Ông đảm nhiệm vai trò trưởng ban tài chính ngành du lịch thuộc tập đoàn Thành Thành Công. Quản lý vốn và chịu trách nhiệm XD, giám sát chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn của ngành. Cũng trong giai đoạn này, Ông giữ vị trí thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf (Mã CK: VNG) nay là Tổng Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công.

Từ tháng 05/2017 Ông Lương Võ Hùng tham gia vào Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương với vai trò Giám Đốc tài chính.



Ông **LÊ CÔNG SƠN**
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU**
Thành viên

Ông **MAI VĂN LỊCH**
Thành viên

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018

Đơn vị: tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2017	2018	(%) Tăng/giảm
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.094,1	1.169,0	6,8
Giá vốn hàng bán	659,9	598,4	(9,3)
Lợi nhuận gộp	434,2	570,5	31,4
Doanh thu hoạt động tài chính	15,2	21,5	41,4
Chi phí tài chính	-	30,4	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	(2,04)	-
Chi phí bán hàng	60,5	74,4	23
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47,2	84,1	78,2
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	341,7	401,2	17,4
Thu nhập khác	13,5	25,3	87,4
Chi phí khác	8,0	17,5	118,8
Lợi nhuận khác	5,5	7,8	41,8
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	347,2	409,0	17,8
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	277,2	327,2	18,0

DOANH THU THUẦN NĂM 2018

1.169,0
TỶ ĐỒNG

tăng 6,8% so với năm 2017

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của BIMICO gặt hái những thành quả tích cực khi **doanh thu thuần** đạt 1.169,0 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2017.

Lợi nhuận gộp của BIMICO đạt 570,5 tỷ đồng, nhờ Công ty đã tối ưu hóa khả năng sản xuất, duy trì được giá bán hợp lý và tiết kiệm chi phí góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng cao.

Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ. Năm 2018, công tác quản lý chi phí của BIMICO tiếp tục được chú trọng, dù mở rộng sản xuất nhưng tỷ lệ các khoản chi phí so với doanh thu thuần vẫn giảm nhẹ xuống còn 64,7% so với năm 2017 ở mức 70,2%. Trong đó đáng chú ý nhất đó là tỷ lệ Giá vốn hàng bán/DTT giảm còn 51,2% so với mức 60,3% của năm 2017.

CƠ CẤU CHI PHÍ	ĐVT	2016	2017	2018
Giá vốn hàng bán/DTT	%	59,6	60,3	51,2
Chi phí bán hàng/DTT	%	7,2	5,5	6,4
Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	%	4,1	4,3	7,2
Tổng chi phí	%	70,8	70,2	64,8



Với những nỗ lực trong công tác quản lý chi phí, kiểm soát giá vốn cùng những chính sách điều hành hoạt động hợp lý đã giúp cho lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 327,2 tỷ đồng trong năm 2018, tăng 18% so với năm ngoái và hoàn thành 102% kế hoạch năm.

Hệ số lợi nhuận biên cũng cải thiện tích cực đạt 28% trong khi năm 2017 dừng ở mức 25,3%, đánh dấu đã cải thiện tích cực trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
327,2

TỶ ĐỒNG

↗ 18% so với năm 2017 và hoàn thành 102% kế hoạch năm

HỆ SỐ LỢI NHUẬN BIÊN

28%

NHẬN XÉT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2018, các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch, tăng cao so với năm 2017 là do:

- 1 Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- 2 Các cơ quan ban ngành, địa phương luôn đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp.
- 3 Tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCN lao động, sự năng động, linh hoạt của Ban Điều hành và bộ máy quản lý.
- 4 Được sự cộng tác của khách hàng truyền thống, sự chia sẻ của các cổ đông lớn giúp cho HĐQT và Ban Điều hành có những giải pháp thích hợp, kịp thời từng thời điểm.
- 5 Năm 2018 Công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là mỏ đá Tân Đông Hiệp chậm được cấp phép khai thác đã ảnh hưởng rất lớn hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên Ban điều hành đã bám sát cơ sở, linh hoạt xử lý công việc tại từng đơn vị.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại:

- » Một số mỏ khoáng sản do khai thác xuống sâu, năng suất giảm, làm tăng chi phí đồng thời việc bảo đảm an toàn lao động gặp nhiều khó khăn.
- » Các đơn vị: Chi nhánh Cao lanh Minh Long, Nhà máy Gạch Bình Phú hiệu quả thấp đã ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động và hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.
- » Chính sách của Nhà nước thay đổi cũng làm tăng chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD (Tiền cấp quyền khai thác Chi nhánh Cao lanh Minh Long, thuế tài nguyên thay đổi. Giá nhiên liệu điều chỉnh liên tục).
- » Thị trường diễn biến không thuận lợi, khó dự báo, một số sản phẩm có lượng tồn kho lớn (Đá Tân Đông Hiệp, Gạch Bình Phú).
- » Các tồn tại trên sẽ được khắc phục trong năm 2019.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018 LÀ CĂN BẢN SO VỚI MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018, LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019, VÀ LÀ TIỀN ĐỀ ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN VÀ MỞ RỘNG SẢN XUẤT TRONG TƯƠNG LAI VỀ QUI MÔ CŨNG NHƯ HIỆU QUẢ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Lĩnh vực SX/cơ cấu sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	So sánh thực hiện 2018 với 2017	
						KH2018	TH 2017
I NGÀNH KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN							
1 ĐÁ XÂY DỰNG							
1.1	Khai thác đá học	m³	4.880.000	4.180.250	4.245.093	86%	98%
	- XN đá Tân Đông Hiệp	m ³	2.000.000	1.452.179	2.156.351	73%	67%
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.500.000	1.601.354	1.325.079	107%	121%
	- XN đá Tân Mỹ	m ³	1.200.000	933.617	763.663	78%	122%
	- HTX Thăng Long	m ³	180.000	193.099	-	107%	-
1.2	Chế biến đá	m³	4.080.000	3.487.209	3.782.782	85%	92%
	- XN đá Tân Đông Hiệp	m ³	1.950.000	1.256.769	2.058.036	64%	61%
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.498.000	1.598.676	1.328.143	107%	120%
	- XN đá Tân Mỹ	m ³	452.000	417.625	396.603	92%	105%
	- HTX Thăng Long	m ³	180.000	214.139	-	119%	-
1.3	Chế biến cát nghiền từ đá						
	- Mỏ đá Tân Đông Hiệp	tấn	192.000	7.644	32.923	4%	23%
	- XN đá Phước Vĩnh	tấn	90.000	4.750	-	5%	-
2 CAO LẠNH							
2.1	Khai thác cao lanh	m³	66.200	71.925	67.781	109%	106%
	- XN CL Tân Thành	m ³	20.000	19.413	52.474	97%	37%
	- CN CL Minh Long	m ³	46.200	52.512	15.307	114%	343%
2.2	Chế biến cao lanh	tấn	40.500	38.362	41.689	95%	92%
	- Chế biến lọc	tấn	16.500	15.267	13.995	93%	109%
	+ XN CL Tân Thành	tấn	7.500	6.031	6.379	80%	95%
	+ CN CL Minh Long	tấn	9.000	9.236	7.616	103%	121%
	- Chế biến nghiền (bột)	tấn	24.000	23.095	27.694	96%	83%
	+ XN CL Tân Thành	tấn	12.000	14.493	16.644	121%	87%
	+ CN CL Minh Long	tấn	12.000	8.602	11.050	72%	78%
2.3	Cát trắng tận thu	m³	10.000	6.715	10.490	67%	64%
	- XN CL Tân Thành	m ³	5.000	4.485	7.379	90%	61%
	- CN CL Minh Long	m ³	5.000	2.230	3.111	45%	72%
3	XN KT sét Phước Hòa	m³	120.000	142.786	119.377	119%	278%
II SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG							
1	NMG Gạch Bình Phú	viên	45.000.000	32.048.799	43.885.767	71%	73%
2	XN SX Cống Bê tông	mét	55.000	78.307	55.633	142%	141%
III CTY CP SX NƯỚC SILKWATER							
		Lít	4.500.000	4.006.423	4.189.691	89%	96%
IV CTY TNHH KSB IDC							
		Ha	40	39,6	30,8	99,0%	128%

NGÀNH NGÀNH KT, CB KHOÁNG SẢN:

- » Ngành khai thác đá năm 2018 của Công ty chỉ hoàn thành 86% so với kế hoạch và bằng 98% so với năm 2017. Trong đó:
 - Mỏ Tân Đông Hiệp đến tháng 09 /2018 mới được phép khai thác trở lại, điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất của Xí nghiệp nói riêng và toàn Công ty nói chung. Sản lượng khai thác so với kế hoạch chỉ đạt 73% và bằng 67% của năm 2017.
 - Thị trường tiêu thụ tốt cùng với cơ chế quản lý mới đã giúp Xí nghiệp Phước Vĩnh khai thác vượt 7% so với kế hoạch 2018 và tăng 21% so với năm 2017.
 - Riêng mỏ đá Tân Mỹ, bên cạnh thị trường còn khó khăn thì Chất lượng đá vẫn chưa ổn định. Sản lượng khai thác tuy có tăng 5% so với 2017 nhưng cả năm chỉ đạt 92% so với kế hoạch được giao.
- Công ty BIMICO đã hoàn tất việc sáp nhập hợp tác xã Thăng Long trong năm 2018. Nhờ vị trí thuận lợi và thị trường tiêu thụ tốt nên sản lượng khai thác tại mỏ Thiện Tân 7 vượt 7% so với kế hoạch đề ra.
- Sản lượng chế biến cát so với kế hoạch 2018 chỉ đạt 4% tại XN Tân Đông Hiệp và 5% tại XN Phước Vĩnh, nguyên nhân là do sự chậm trễ trong việc xin giấy phép tại Tân Đông Hiệp và lắp đặt máy tại Phước Vĩnh.



- » Thời tiết năm 2018 tương đối thuận lợi giúp khai thác cao lanh năm 2018 vượt 9% so với kế hoạch và tăng 6% so với năm 2017. Tuy nhiên thị trường tiêu thụ chưa có nhiều cải thiện nên chế biến cao lanh chỉ đạt 95% so với kế hoạch đề ra và bằng 92% so với năm 2017. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ tương đối chậm làm cho khai thác cát trắng tận thu chỉ đạt 67% so với kế hoạch và 64% so với năm 2017.
- » Nhờ vị trí thuận lợi cùng với nguồn sét tốt nên khai thác sét gạch ngói trong năm vượt 19% so với kế hoạch 2018 và tăng 78% so với năm 2017.

NGÀNH VLXD:

- » Ngành sản xuất gạch năm nay chỉ đạt 71% so với kế hoạch và bằng 73% so với năm 2017 do chịu sự cạnh tranh từ nhiều doanh nghiệp trên cùng địa bàn.
- » Thị trường cồng bê tông có sự chuyển biến tích cực, sản lượng sản xuất năm 2018 vượt 42% so với kế hoạch và tăng 41% so với năm 2017.

CTY CP NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI SILKWATER

Sản lượng chỉ đạt 89% so với kế hoạch 2018 và bằng 96% so với năm 2017, nguyên nhân chính là phải san sẻ thị trường tiêu thụ với các đối thủ cạnh tranh khác trên cùng địa bàn.

CTY TNHH KSB IDC

Được hưởng lợi từ chính sách thu hút đầu tư của tỉnh nên diện tích cho thuê đất KCN năm 2018 đạt 99% so với kế hoạch, tăng 28% so với năm 2017.



TÌNH HÌNH CÁC MỎ

CÁC MỎ ĐANG HOẠT ĐỘNG

STT	Tên mỏ và giấy phép	Diện tích cấp phép (m ²)	Trữ lượng nguyên khối (m ³)		Thời gian	
			Cấp phép	Còn lại	Ngày cấp	Ngày hết hạn
A	CÁC MỎ ĐÁ	1.463.636	56.380.537	44.170.702		
I	Mỏ đá Tân Đông Hiệp	228.159	4.683.716	3.715.596		
	Giấy phép số 81/GP-UBND ngày 04/09/2018.	228.159	4.683.716	3.715.596	04/9/2018	31/12/2019
II	Mỏ đá Tân Mỹ	409.600	22.326.387	18.526.584		
	Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/08/2015.	409.600	22.326.387	18.526.584	28/08/2015	28/08/2029
III	Mỏ đá Phước Vĩnh	296.200	10.627.089	4.062.594		
	Giấy phép số 137/GP-UBND ngày 13/07/2017.	296.200	10.627.089	4.062.594	03/02/2005	13/01/2023
IV	Mỏ Thiện Tân 7	120.000	5.290.504	4.801.067		
	Giấy phép số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016.	120.000	5.290.504	4.801.067	29/01/2016	29/01/2035
V	Mỏ đá Núi Bãi Giang Nghệ An	200.000	4.463.209	4.463.209		
	Giấy phép số 3601/GP-UBND ngày 16/08/2013.	200.000	4.463.209	4.463.209	16/08/2013	16/08/2043
VI	Mỏ đá Gò Trường - Phú Nam Sơn	209.678	8.989.632	8.601.652		
1	Giấy phép số 234/GP-UBND ngày 23/06/2016 (đá vôi).	85.000	5.130.000	4.856.485	23/06/2016	21/01/2045
2	Giấy phép số 258/GP-UBND ngày 29/06/2015 (đá đen).	98.034	3.859.632	3.745.167	29/06/2015	29/06/2035
3	Phần mở rộng giữa 2 giấy phép	26.644				
B	CÁC MỎ SÉT	298.000				
I	Mỏ sét Bồ Lá	298.000	3.620.051	3.452.370		
1	Giấy phép số 162/GP-UBND ngày 29/09/2015.	117.170	1.488.532	1.320.851	29/09/2015	29/09/2021
2	Đã có chủ trương và thẩm định xong thiết kế cơ sở, phê duyệt DTM	180.830	2.131.519	2.131.519		
C	CÁC MỎ CAO LẠNH	880.000	9.172.101	7.715.571		
I	Mỏ cao lạnh Tân Lập	240.000	1.248.016	-25.771		
1	Giấy phép số 2453/QĐ-ĐCKS ngày 19/10/1999	240.000	1.248.016	-25.771	19/10/1999	19/10/2021
II	Mỏ cao lạnh Minh Long	640.000	7.924.085	7.741.342		
1	Giấy phép số 386/GP-BTNMT ngày 07/03/2011.	640.000	7.924.085	7.741.342	07/03/2011	07/09/2038
	Tổng Cộng: (A+B+C)	2.641.636	65.552.638	51.886.273		

- » Mỏ sét gạch ngói Bồ Lá: Đã được cấp phép trong tháng 9/2015 với diện tích 298.000 m², trữ lượng khai thác là 167.681 m³ (trên diện tích qui hoạch 298.000 m² - trữ lượng: 3.620.051 m³), công suất khai thác: 250.000 m³/năm, thời gian khai thác 6 năm. Đang thực hiện khai thác và dự kiến Quý II/2 019 sẽ thực hiện xin giấy phép mở rộng mỏ lên 29,8 ha.
- » Mỏ sét Khánh Bình đã đóng cửa và bàn giao cho Trung tâm phát triển Quý đất tỉnh Bình Dương, chỉ còn khu nhà ở của công nhân diện tích khoảng 0,6 ha.
- » Mỏ Cát dầu tiếng đã chuyển nhượng cho công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Huy Phát từ năm 2018.

TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI

Tính đến (31/12/2018) tổng quỹ đất của toàn Công ty là: 544,85 ha; cụ thể tại các đơn vị đang quản lý và sử dụng như sau:

Stt	Đơn vị quản lý và sử dụng	Diện tích (ha)
I	Xí nghiệp Tân Đông Hiệp	31,19
II	Xí nghiệp Tân Mỹ, bến thủy Tân Mỹ	46,8
III	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	92,91
1	Mỏ đá Phước Vĩnh	53,81
2	Khu đất mỏ Tam Lập	16,30
3	Mỏ sét Bồ Lá	22,8
IV	Xí nghiệp cao lạnh Tân Thành	22,83
1	Mỏ cao lạnh Tân Lập	18,5
2	Xưởng chế biến cao lạnh Tân Thành	4,33
V	Chi nhánh cao lạnh Minh Long	14,87
VI	Xí nghiệp Cát Dầu Tiếng	đã chuyển nhượng
1	Bãi cát Định An	0,48
2	Bãi cát Minh Hòa	0,62
VII	Nhà máy gạch Bình Phú và nhà ở CN	4,96
1	Nhà máy gạch Bình Phú	4,35
2	Nhà ở công nhân nhà máy gạch (mỏ KB)	0,61
VIII	Khu văn phòng Công ty (gồm có XN nước, nhà hàng tiệc cưới, văn phòng)	1,75
IX	Mỏ Thiện Tân 7 (HTX Thăng Long)	9,27
X	Mỏ núi Bãi Giang (Công ty Huệ Minh)	16,6
XI	Khu công nghiệp Đất Cước	303,67
1	Khu A	102,10
2	Khu B	108,52
3	Đất đền bù mở rộng	91,44
4	Đất đền bù xây dựng hướng thoát nước	1,61
Tổng cộng toàn Công ty		544,85



BẤT ĐỘNG SẢN

Cty TNHH Phát triển Công nghệ KSB (Viết tắt là: KSB IDC):

Trong năm 2018, tổng số đất cho thuê khu hiện hữu là 33,67 ha; Đất cho thuê khu mở rộng là 33,45 ha. Ngoài ra, Cty KSB IDC dành 1 phần diện tích là 2,5 ha để hợp tác đầu tư.

Công tác đền bù mở rộng đến 31/12/2018:

STT	Nội dung	Đvt	Khu A	Khu B	Tổng
1	Tổng diện tích mở rộng	m²	844.900	451.903	1.296.803
1.1	Đã đền bù	m ²	679.417	234.949	914.366
1.2	Còn phải đền bù	m ²	165.483	216.953	382.437
1.3	Tiến độ đã đền bù	%	80,41%	51,99%	70,51%
2	Số tiền	đồng	289.855.035.689	138.264.675.692	428.119.711.381
2.1	Đã thanh toán	đồng	236.028.461.925	91.847.952.750	327.876.414.675
2.2	Còn phải thanh toán	đồng	53.826.573.764	46.416.722.942	100.243.296.706
2.3	Tiến độ tiền đã đền bù	%	81,43%	66,43%	76,59%

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Đvt: Đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện năm 2018	Giá trị chuyển tiếp năm 2019
1.	Đầu tư máy móc, thiết bị	18.453.772.921	15.248.916.601	3.204.856.320
1.1	Đầu tư 02 máy bơm LTC 370-90x2 (Máy bơm 355KW) và lắp đặt tủ điện bơm hầm 355kw tại XN đá Tân Đông Hiệp	2.094.944.000	2.094.944.000	-
1.2	Mua bán, lắp đặt hệ thống nghiền đá 0x4, sàng tách nước, nguồn điện từ TBA1.000kVA, CP chạy thử HT cho máy nghiền đá cát tại XN đá Phước Vĩnh	6.712.589.970	5.022.659.970	1.689.930.000
1.3	Đóng mới sàng phân loại sản phẩm và nối cầu băng tải máy nghiền số 1 tại XN đá Phước Vĩnh	567.050.000	567.050.000	-
1.4	Lắp đặt TBA III-2000kVA tại XN đá Tân Mỹ	1.740.000.000	1.740.000.000	-
1.5	Khảo sát, thiết kế, cung ứng thiết bị xây dựng công trình đường dây 35KV Trạm biến áp mở đá Bãi Giang	1.970.000.000	798.000.000	1.172.000.000
1.6	Mua vật tư, phụ tùng thay thế cho các dây chuyền sản xuất cổng tại XN Bê tông	1.457.900.865	1.457.900.865	-
1.7	Các đầu tư khác	3.911.288.086	3.568.361.766	342.926.320
2.	Xây dựng cơ bản	15.821.533.492	11.329.212.283	4.492.321.209
2.1	Xây lắp móng máy và hồ lắng bùn của hệ thống máy nghiền đá cát công suất 250 tấn/giờ tại XN KT & CB đá Phước Vĩnh	944.800.001	944.800.001	-
2.2	Xây dựng Nhà ăn tại XN KT & CB đá Phước Vĩnh	1.842.716.246	1.842.716.246	-
2.3	Xây dựng bờ kè bê tông đường lên xuống moong của Tân Đông Hiệp	3.283.842.602	3.283.842.602	-
2.4	Thi công nhà làm việc tại mỏ đá Bãi Giang	1.215.568.930	110.000.000	1.105.568.930
2.5	Thi công đường vào mỏ đá Bãi Giang	2.437.964.067	220.000.000	2.217.964.067
2.6	Nâng cao mái nhà xưởng chứa bột cao lanh và sân phơi tại CN KT & CB cao lanh Minh Long	1.587.245.474	1.587.245.474	-
2.7	Thay tôn nhà máy gạch Bình Phú	28.474.000	28.474.000	-
2.8	Xây dựng Trụ panô quảng cáo ngoài trời tại VP Cty KSB	1.531.033.669	1.531.033.669	-
2.9	Nâng cấp bố trí lại công năng sử dụng của hội trường – Văn phòng Cty	2.949.888.503	1.781.100.291	1.168.788.212
Tổng cộng (1+2)		34.275.306.413	26.578.128.884	7.697.177.529

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp theo)

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Đã hoàn thiện các thủ tục và được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp (Số 81/GP-UBND ngày 04/09/2018)

- » Diện tích Khu vực khai thác : 228.158,5 m²
- » Độ sâu : Coste -150m
- » Trữ lượng : 2.341.858 m³ nguyên khối/năm
- » Thời hạn khai thác : 31/12/2019

Nộp tiền cấp quyền khai thác và tiền ký quỹ phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản

- » Tiền cấp quyền khai thác : 40.967.115.446 đồng
- » Tiền ký quỹ phục hồi môi trường : 6.228.928.001 đồng

Thành lập XN khai thác sét gạch ngói Phước Hòa (Quyết định số 52/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2018) là đơn vị sản xuất kinh doanh chịu sự quản lý của Công ty.

Trong năm 2018 đã hoàn thiện việc chuyển nhượng và góp vốn các mỏ đá:

- » Nhận chuyển nhượng mỏ đá Thiện Tân 7 thuộc HTX Dịch vụ Vận tải-Khai khoáng Thăng Long (Hợp đồng số 23/HĐCN/18 ngày 12/06/2018). Giá trị chuyển nhượng: 103.803.700.000 đồng.
- » Nhận chuyển nhượng cổ phần mỏ đá núi Bãi Giang thuộc Cty TNHH Huệ Minh là: 18.857.069.500 đồng.
- » Mua cổ phần mỏ đá Gò Trường thuộc Cty CP Phú Nam Sơn (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2018/HĐCN ngày 01/07/2018). Giá trị hợp đồng: 35.000.000.000 đồng (tương đương 35 % vốn điều lệ).

Bóc đất tầng phủ và giải tỏa đá phong hóa : 14.127.391.831 đồng

- » Mỏ đá Phước Vĩnh : Khối lượng: 582.126 m³ – Giá trị : 11.090.129.820 đồng
- » Mỏ đá Tân Mỹ : Khối lượng: 154.815 m³ – Giá trị: 2.422.320.908 đồng
- » Mỏ sét Phước Hòa : Khối lượng: 63.020 m³ – Giá trị: 614.941.103 đồng

Sang nhượng quyền sử dụng đất cho khai thác mỏ : 47.760.946.000 đồng

- » Mỏ đá Tân Mỹ : 5.521.900.000 đồng
- » Mỏ sét Phước Hòa : 42.239.046.000 đồng

TỔNG GIÁ TRỊ ĐÃ ĐẦU TƯ
TRONG NĂM 2018

328,5
TỶ ĐỒNG

CÁC ĐẦU TƯ KHÁC

Trong năm 2018, theo nhu cầu sản xuất Công ty đã đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị; phương tiện vận chuyển trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản với số tiền là: 27.449.137.691 đồng.

Tổng giá trị đã đầu tư trong năm 2018 là : 328.469.594.882 đồng
trong đó:

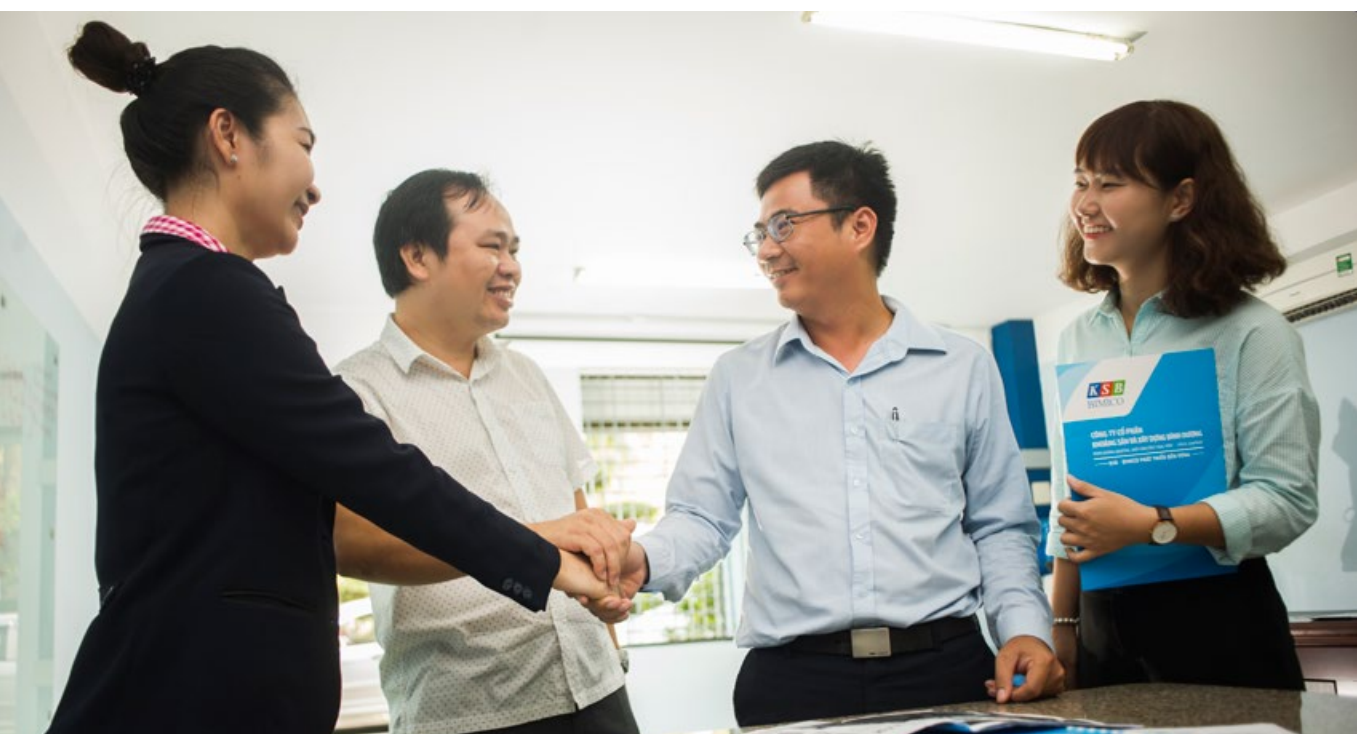
- » Đã thanh toán : 320.772.417.353 đồng
- » Chuyển tiếp năm 2019 : 7.697.177.529 đồng



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ VÀ CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT

TRONG NĂM 2018 BIMICO CÓ SỰ CẢI TIẾN LỚN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ NHÂN SỰ. ĐỒNG THỜI LUÔN THỰC HIỆN ĐÚNG VÀ TUÂN THỦ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

- ◆ Đã rà soát và điều chỉnh kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật. Ban hành, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
- ◆ Chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật trong SXKD. Bảo đảm an toàn lao động, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đến môi trường.
- ◆ Tăng quyền chủ động cho các Xí nghiệp trong điều hành SXKD. Năm 2017 thực hiện khoán sâu cho Xí nghiệp đá Phước Vĩnh (khoán sản lượng, doanh thu, lợi nhuận).
- ◆ Giảm bớt các thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- ◆ Tiếp tục cho thuê đối với Trung tâm hội nghị tiệc cưới và Xí nghiệp cát Dầu Tiếng do hiệu quả kinh doanh thấp.
- ◆ Các dự án đầu tư sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng đều phát huy hiệu quả tốt.
- ◆ Kết quả kiểm tra, các cơ quan chức năng đã đánh giá Công ty chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Lĩnh vực SX/cơ cấu sản phẩm	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	% (+/-)
I	NGÀNH KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN				
1	ĐÁ XÂY DỰNG				
1.1	Khai thác đá học	m³	4.180.250	5.583.000	134%
	- XN đá Tân Đông Hiệp	m ³	1.452.179	2.500.000	172%
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.601.354	1.650.000	103%
	- XN đá Tân Mỹ	m ³	933.617	900.000	96%
	- HTX Thăng Long	m ³	193.099	413.000	214%
	- Cty TNHH Huệ Minh	m ³	-	120.000	-
1.2	Chế biến đá	m³	3.487.209	3.798.000	109%
	- XN đá Tân Đông Hiệp	m ³	1.256.769	1.964.000	156%
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.598.676	1.502.000	94%
	- XN đá Tân Mỹ	m ³	417.625	-	-
	- HTX Thăng Long	m ³	214.139	224.000	105%
	- Cty TNHH Huệ Minh	m ³	-	108.000	-
1.3	Chế biến cát nghiền từ đá	tấn	12.394	150.000	
	- Mỏ đá Tân Đông Hiệp	tấn	7.644	-	-
	- XN đá Phước Vĩnh	tấn	4.750	150.000	-
2	CAO LẠNH				
2.1	Khai thác cao lanh	m³	71.925	50.000	70%
	- XN CL Tân Thành, Tân Lập	m ³	19.413	-	0%
	- Cty TNHH CL Minh Long KSB	m ³	52.512	50.000	95%
2.2	Chế biến cao lanh	tấn	38.362	38.000	99%
	- Chế biến lọc	tấn	15.267	16.500	108%
	+ XN CL Tân Thành, Tân Lập	tấn	6.031	6.500	108%
	+ Cty TNHH CL Minh Long KSB	tấn	9.236	10.000	108%
	- Chế biến nghiền (bột)	tấn	23.095	21.500	93%
	+ XN CL Tân Thành, Tân Lập	tấn	14.493	12.500	86%
	+ Cty TNHH CL Minh Long KSB	tấn	8.602	9.000	105%
2.3	Cát trắng tận thu	m³	6.715	10.500	156%
	- XN CL Tân Thành, Tân Lập	m ³	4.485	5.500	123%
	- Cty TNHH CL Minh Long KSB	m ³	2.230	5.000	224%
3	XN KT sét Phước Hòa	m³	142.786	250.000	175%
II	SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG				
1	NMG Gạch Bình Phú	viên	32.048.799	40.000.000	125%
2	XN SX Cống Bê tông	mét	78.307	70.000	89%
III	CTY CP SX NƯỚC SILKWATER	Lít	4.006.423	4.746.000	118%
IV	CTY TNHH KSB IDC	Ha	39,6	50	126%



CÁC DỰ ÁN NĂM 2019

- 01 Lập dự án để sử dụng mặt bằng cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp sau khai thác làm khu du lịch sinh thái hoặc khu dân cư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- 02 Sang nhượng 24 ha tại Phước Vĩnh để mở rộng thêm 40 ha về phía Đông
- 03 Đấu giá mỏ Tam Lập 2 (diện tích: 40 ha; trữ lượng: 24 triệu m³) tại Phú Giáo.
- 04 Xin cấp phép khai thác trong năm 2019 Mỏ của Công ty Xây dựng Bình Phước tại xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với diện tích khoảng 30 ha, trữ lượng khoảng 10 triệu m³ nguyên khối không phải qua đấu giá quyền khai thác.
- 05 Lập hồ sơ xin cấp giấy phép tối thiểu 1 mỏ mới (dự kiến mỏ Tam Lập hoặc Bình Phước) và xem xét mua lại từ 1 đến 2 mỏ đá tại khu vực Đồng Nam Bộ.
- 06 Lập hồ sơ xin điều chỉnh mở rộng XN sét Phước Hòa lên 29,8 ha và hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công sau khi được cấp giấy phép mới.
- 07 Tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng các mỏ với tổng diện tích là 16 ha.

ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD

1. CÁC DỰ ÁN VỀ MỎ KHOÁNG SẢN: 1.298.000.000.000 ĐỒNG

- » Lập Đề án đóng cửa mỏ đá Tân Đông Hiệp và lập dự án để sử dụng mặt bằng cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp sau khai thác làm khu du lịch sinh thái hoặc khu dân cư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, dự kiến chi phí khoảng **10.000.000.000 đồng**.
- » Lập dự án đền bù, mở rộng mỏ Phước Vĩnh lên 60 ha, khai thác tới coste -70m. Chi phí dự kiến là: **200.000.000.000 đồng**.
- » Chi phí lập hồ sơ mở rộng mỏ Sét Phước Hòa, điều chỉnh mỏ Cao lanh Minh Long, công tác môi trường,...: **5.000.000.000 đồng**.
- » Nhận chuyển nhượng doanh nghiệp có các mỏ khoáng sản (Đá xây dựng, sét gạch ngói, cát xây dựng) trong khu vực Đồng Nam Bộ với chi phí dự kiến: **1.000.000.000.000 đồng**.
- » Tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng các mỏ:

Stt	Đơn vị quản lý và sử dụng	Diện tích (ha)	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Xí nghiệp đá Tân Mỹ	8	48.000.000.000
2	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	3	15.000.000.000
3	XN sét Phước Hòa	5	20.000.000.000
Cộng		16	83.000.000.000

ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD (Tiếp theo)

2. DỰ ÁN MỞ RỘNG ĐẤT KINH DOANH VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI CÔNG TY KSB IDC: 616.400.000.000 ĐỒNG

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Chi phí đền bù mở rộng phần còn lại GD 1	61.400.000.000
2	Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng GD 1	257.000.000.000
3	Tiền sử dụng đất	26.000.000.000
4	Chi phí đền bù mở rộng GD 2	250.000.000.000
5	Đầu tư sửa chữa cơ sở hạ tầng KCN	1.000.000.000
6	Các đầu tư khác	21.000.000.000
Tổng cộng		616.400.000.000

3. ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH: 144.030.270.202 ĐỒNG

» Chuyển tiếp từ năm 2018 qua	:	7.697.177.529 đồng
» Đầu tư máy móc, thiết bị	:	24.400.000.000 đồng
» Đầu tư xây dựng cơ bản, tài sản cố định	:	15.600.000.000 đồng
» Đầu tư phục vụ sản xuất tại các mỏ đang khai thác (Trong đó: Tiền cấp quyền khai thác là: 30.480.229.423 đồng)	:	94.783.092.673 đồng
» Các đầu tư khác	:	1.550.000.000 đồng
TỔNG NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019 (1+2+3)	:	2.058.430.270.202 ĐỒNG

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

- » Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
- » Nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại.

Trong quá trình thực hiện sẽ xem xét cụ thể và quyết định theo từng dự án.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

01

Giữ vững thị trường truyền thống, khai thác và mở thêm các thị trường mới để tiêu thụ hết sản phẩm theo kế hoạch sản xuất. Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, thống nhất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

02

Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và hạn chế tối đa thiệt hại về vật chất trong sản xuất. Ngăn ngừa nguy cơ xảy ra tai nạn.

03

Nâng cao quản trị doanh nghiệp từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Rà soát lại các định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí hợp lý, thực hành tiết kiệm để tăng hiệu quả kinh doanh. Phân cấp quản lý cho các xí nghiệp đủ điều kiện theo cơ chế khoán nộp để xí nghiệp tự cân đối, chủ động điều hành sản xuất và tự chịu trách nhiệm.

04

Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về việc mua, nhận chuyển nhượng, xin cấp mỏ mới để gia tăng sản lượng khoáng sản khai thác và phát huy các nguồn lực đã đầu tư.

05

Phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất: Đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và doanh nghiệp đã công bố. Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 thực chất hiệu quả.

06

Tổ chức, sắp xếp hoặc chuyển đổi đối với những đơn vị đầu mối hoạt động kém hiệu quả sang những mô hình phù hợp theo hướng tinh gọn, phát huy tài sản đã đầu tư.

07

Xác định nguồn nhân lực hiện có, lập kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để xây dựng nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh, bao gồm: Công nhân, quản lý các đơn vị trực thuộc, quản lý công ty và ban kiểm soát nội bộ.

08

Chú trọng công tác xử lý và phục hồi môi trường, thực hiện nghiêm túc các cam kết về môi trường và nội dung ĐTM đã được phê duyệt.

TÀI SẢN & NGUỒN VỐN

Năm	2015	2016	2017	2018
Tổng tài sản	839,0	973,7	1.430,5	2.896,8
TSNH	315,7	354,3	693,3	1.750,3
TSDH	523,3	619,4	737,3	1.146,5
Nợ phải trả	315,5	364,5	672,1	1.875,7
Nợ ngắn hạn	118,0	100,5	137,7	698,5
Nợ dài hạn	197,5	264,0	534,5	1.177,1
Vốn chủ sở hữu	523,5	609,2	758,4	1.021,1

Đơn vị: Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2018

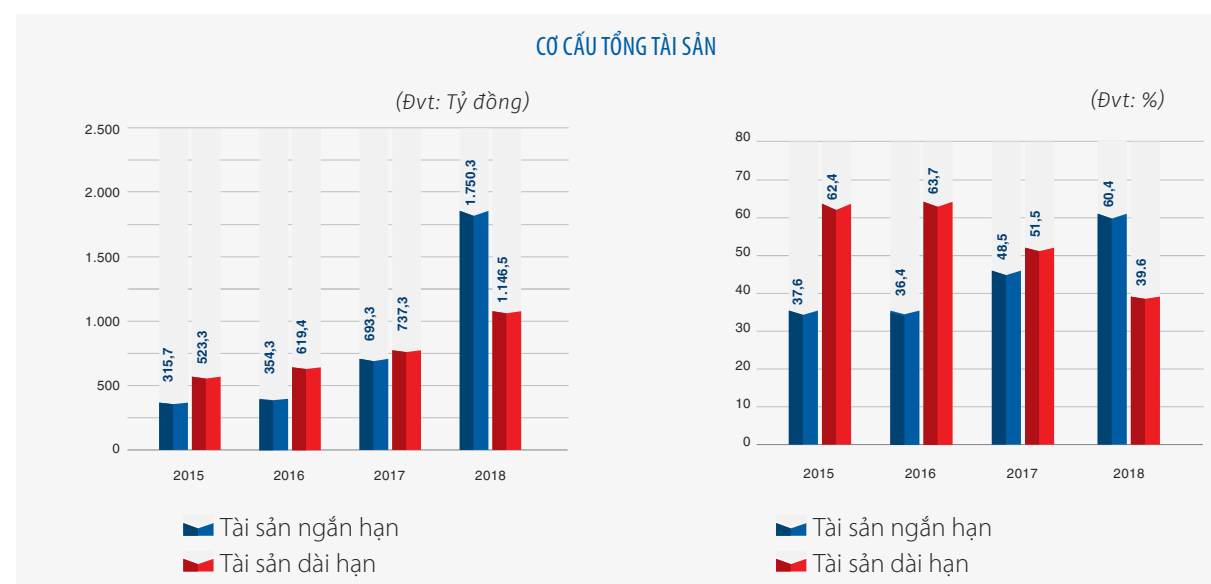
2.896,8

TỶ ĐỒNG

tăng 102,5% so với năm 2017

TÀI SẢN

Tính đến cuối năm 2018, tổng tài sản của Công ty đạt 2.896,8 tỷ đồng, tăng 102,5% so với năm 2017. Cơ cấu tài sản có nhiều thay đổi trong năm. Tài sản ngắn hạn đã tăng lên 1.750,3 tỷ đồng, chiếm 60,42% tổng tài sản. Tài sản dài hạn chiếm 39,58% tổng tài sản với 1.146,5 tỷ đồng. Sự chuyển dịch này chủ yếu đến từ việc tăng mạnh các khoản phải thu ngắn hạn.

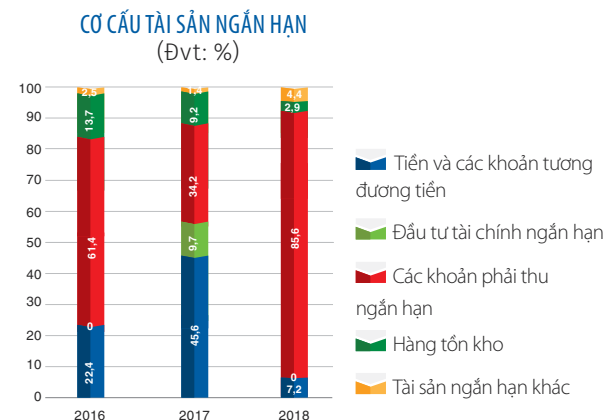


TÀI SẢN NGẮN HẠN

1.750,3

TỶ ĐỒNG

tăng 152,5% so với năm 2017



CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN

		2016	2017	2018
Tiền và các khoản tương đương tiền	%	22,4	45,6	7,2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	%	0	9,7	0
Các khoản phải thu ngắn hạn	%	61,4	34,2	85,6
Hàng tồn kho	%	13,7	9,2	2,9
Tài sản ngắn hạn khác	%	2,5	1,4	4,4

TÀI SẢN DÀI HẠN

Tính đến cuối năm 2018, tài sản dài hạn của Công ty tăng lên đến 1.146,5 tỷ đồng, tăng 55,5% so với năm 2017 và chiếm 39,6% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty tập trung tại khoản tài sản dở dang dài hạn và tài sản dài hạn khác, 2 khoản này chiếm hơn 60% tài sản dài hạn. Trong đó, khoản mục tài sản dở dang dài hạn tăng chủ yếu là do 3 công trình đang thực hiện của BIMICO đó là Công trình dự án mở rộng khu công nghiệp Đất Cước, dự án mỏ đá Tam Lập, và dự án mỏ sét Phước Hòa.

NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của Công ty năm 2018 có sự chuyển dịch cơ cấu khi Nợ phải trả chiếm gần 65% tổng nguồn vốn. Trong năm vừa qua nguồn Vốn chủ sở hữu cũng tăng đáng kể ở mức tăng trưởng 34,6% so với năm 2017, tuy nhiên Nợ phải trả đã tăng hơn 179% và làm thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong năm vừa qua. Nguyên nhân của việc Nợ phải trả tăng mạnh đến từ việc tăng cường các hoạt động đầu tư kinh doanh của BIMICO trong năm 2018.

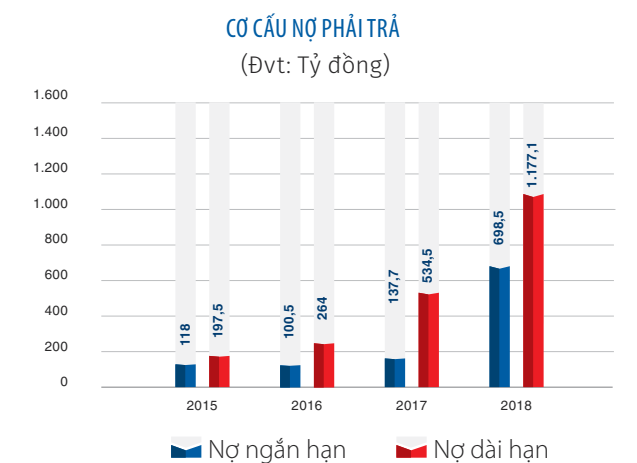
TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tính đến cuối năm 2018, tài sản ngắn hạn chiếm 60,4 % tổng tài sản, tương ứng 1.750,3 tỷ đồng, tăng 152,5% so với năm 2017. Trong đó:

- » Tiền và tương đương tiền đạt 125,3 tỷ đồng, giảm hơn 60% so với 2017, chỉ chiếm 4,3% trong cơ cấu tổng tài sản và chiếm tỷ trọng 7,2% tài sản ngắn hạn.
- » Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh từ 237,1 tỷ đồng năm 2017 lên 1.498,0 tỷ đồng năm 2018. Trong đó, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác là 2 khoản góp phần gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn trong năm vừa qua. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là khoản được BIMICO dùng để thực hiện và thi công hạ tầng mở rộng khu công nghiệp Đất Cước.
- » Hàng tồn kho đã giảm 21% so với năm trước, tương đương 50,2 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2,9% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn

NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến hết ngày 31/12/2018, tổng nợ phải trả của Công ty đang ở mức 1.875,7 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nợ dài hạn với 1.177,1 tỷ đồng, trong khi nợ ngắn hạn chỉ chiếm tỷ trọng 37,2%, ở mức 698,5 tỷ đồng.



VỐN CHỦ SỞ HỮU

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.021,1

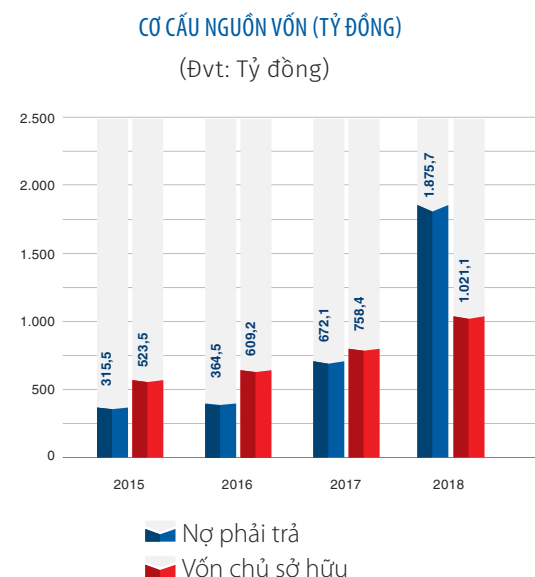
TỶ ĐỒNG

tăng 34,6% so với năm 2017

Năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 1.021,1 tỷ đồng, tăng 34,6% so với năm trước và chiếm 35,2% tổng nguồn vốn.

Cụ thể, BIMICO đã phát hành 2.300.000 cổ phiếu ESOP theo Nghị quyết HĐQT số 25/2018/NQ-HĐQT, điều này góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng của Vốn chủ sở hữu trong năm vừa qua. Ngoài ra, mức tăng trưởng hơn 68% của khoản lợi

nhuận sau thuế chưa phân phối so với 2017 cũng đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của Vốn chủ sở hữu trong năm qua.



PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Nội dung	2016	2017	2018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	219,9	410,7	703,9
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(187,2)	(117,6)	(1.472,6)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(128,7)	(56,2)	577,8
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(96,0)	236,9	(190,9)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	79,3	316,2	125,3

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2018 của BIMICO là 703,9 tỷ đồng, tăng hơn 71% so với 2017. Ngoài ra, hoạt động đầu tư của BIMICO trong năm vừa qua chủ yếu ở khoản mục mua sắm, xây dựng tài sản cố định với khoản chi hơn 791 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực trong hoạt động tài chính trong năm vừa qua. Cụ thể, tiền thu từ đi vay đạt hơn 684 tỷ đồng, và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính trong năm 2018 đạt hơn 577 tỷ đồng.

LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

703,9

TỶ ĐỒNG

tăng 126,8% so với năm 2017

PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐVT	2016	2017	2018
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	3,5	5,0	2,5
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,0	4,6	2,3
Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,8	2,3	0,2
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động				
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	38,5	34,9	48,4
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	34,1	31,0	34,7
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	14,8	15,2	18,9
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,9	0,9	0,5
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận gộp	%	40,4	39,7	48,8
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	30,4	31,2	34,3
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	24,2	25,3	28,0
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	36,3	40,5	36,8
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROAA)	%	22,7	23,1	15,1
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	37,4	47,0	64,8
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	59,8	88,6	183,7



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Do sự gia tăng đầu tư kinh doanh của BIMICO trong năm vừa qua làm cho khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ phải trả ngắn hạn tăng mạnh trong năm 2018, điều này làm cho các chỉ số khả năng thanh toán của BIMICO sụt giảm đáng kể. Tuy tài sản ngắn hạn đã tăng hơn 152% trong năm vừa qua nhưng không vượt được mức tăng trưởng của khoản Nợ phải trả làm cho hệ số thanh toán ngắn hạn của BIMICO giảm một nửa so với năm trước. Cũng cùng xu hướng với hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh cũng giảm còn 2,3 lần trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, việc giảm mạnh của khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền cũng như gia tăng mạnh khoản Nợ phải trả ngắn hạn trong năm vừa qua làm cho hệ số thanh toán tiền mặt giảm đáng kể xuống còn 0,2.

Kỳ trả tiền bình quân của công ty tăng nhẹ lên 19,3 ngày so với 15,2 ngày năm 2017, do BIMICO tăng cường các hoạt động đầu tư kinh doanh trong năm vừa qua.

Năm 2018, kỳ lưu kho đang ở mức 34,7 ngày, tăng nhẹ so với con số 31 ngày năm trước.

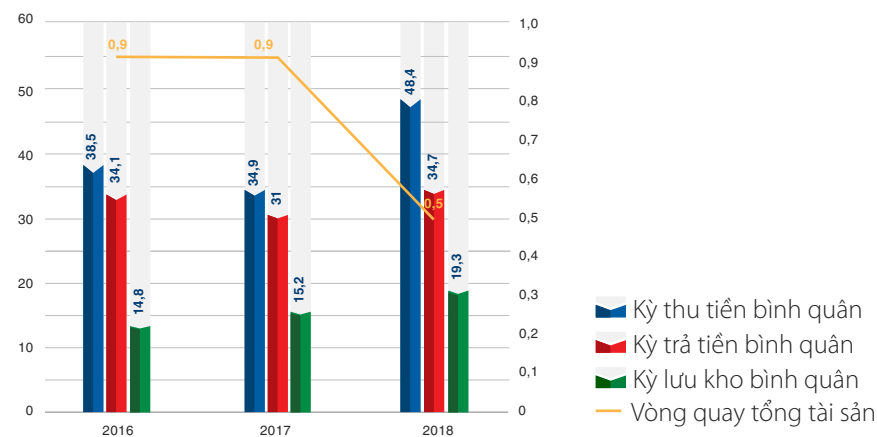
KỶ TRẢ TIỀN, THU TIỀN VÀ LƯU KHO BÌNH QUÂN

Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý công nợ và tuân thủ các quy định kế toán. Tuy nhiên, do việc mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm vừa qua nên **kỳ thu tiền bình quân** của BIMICO đã tăng lên 48,4 ngày so với 2017.

VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

Với việc theo đuổi chiến lược tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty luôn nỗ lực để duy trì vòng quay tổng tài sản trong những năm gần đây, hiện đang ở quanh mức 0,5 lần.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

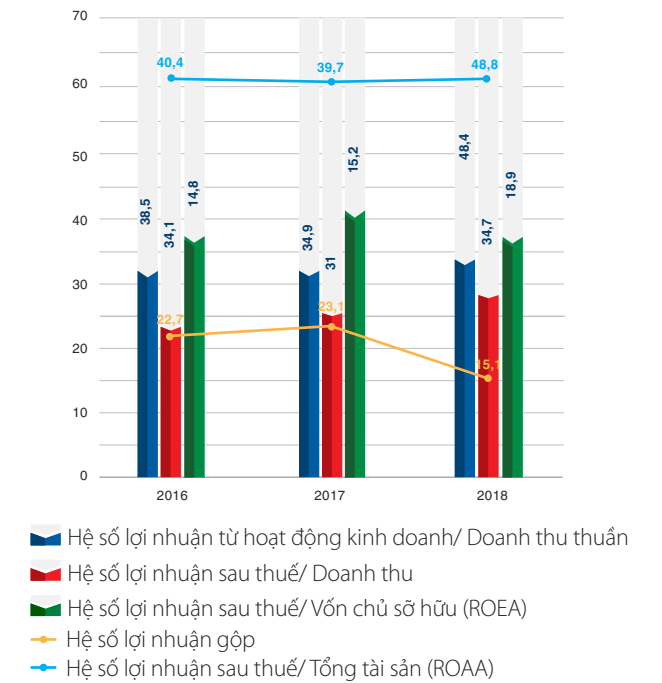


TỶ SUẤT SINH LỜI

Với chiến lược phát triển thị trường tốt, công tác quản trị chi phí hiệu quả đã giúp lợi nhuận của Công ty tăng trưởng liên tục qua các năm.

Theo đó, năm 2018, tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều tăng so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 48% và 34,3%. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 18% đã giúp chỉ số tỷ suất lợi nhuận sau thuế cũng tăng đáng kể lên 28% trong năm 2018. Cả hai chỉ số sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) và chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) đều giảm so với 2017, điều này đến từ sự tăng trưởng hơn 102% của khoản mục tổng tài sản và 34,6% của khoản vốn chủ sở hữu. Chỉ số ROAA và ROEA của BIMICO trong năm qua lần lượt đạt 36,8% và 15,1%, giảm nhẹ so với 40,5% và 23,1% trong năm 2017.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



3

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông	64
Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	64
Hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập	67
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị	68
Định hướng của Hội Đồng Quản Trị 2019	69
Hoạt động của Ban Kiểm soát	70
Đánh giá của Ban Kiểm soát	71
Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích của cổ đông	72
Cơ cấu Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	73

GIẢI PHÁP LINH HOẠT GIÁ TĂNG NĂNG LỰC CỐT LÕI

VỚI KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG TRONG NĂM 2018 LÀ DO SỰ NỖ LỰC TƯ DUY CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỂ TÌM RA HƯỚNG QUẢN TRỊ ĐÚNG ĐẮN, TIÊN PHONG ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀO MỌI HOẠT ĐỘNG. NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC, NHANH CHÓNG THÍCH NGHI VÀ LINH HOẠT VẬN HÀNH TRƯỚC NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA THỊ TRƯỜNG, GIÚP BIMICO TẠO DỰNG THÀNH CÔNG CHUỖ GIÁ TRỊ MỚI TRONG TƯƠNG LAI.

”



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để xin các ý kiến thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông cụ thể như sau:

Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
01/2018/NQ-DHĐCĐ	18/04/2018	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2018 và kế hoạch 2018. Thông qua các tờ trình

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Ngày không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	20/07/2016		19/19	100%	
2	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	19/04/2017		19/19	100%	
3	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	16/04/2014		19/19	100%	
4	Trần Ngọc Đỉnh	Thành viên HĐQT	16/11/2016		19/19	100%	
5	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT độc lập	18/04/2017		19/19	100%	
6	Châu Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	08/08/2016	02/11/2018	14/19	74%	

CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2018 CỦA HĐQT

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	08/01/2018	Thông qua kết quả SXKD và đầu tư mở mới.
2	02/2018/NQ-HĐQT	08/01/2018	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng
3	03/2018/NQ-HĐQT	12/02/2018	Quyết định về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
4	04/2018/ NQ-HĐQT	06/04/2018	Thông qua danh mục tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2018
5	04A/2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Bán và thuê tài chính
6	05/2018/NQ-HĐQT	24/04/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty
7	06/2018/ NQ-HĐQT	21/5/2018	Thành lập công ty CP nước uống tinh khiết đóng chai Silkwater
8	07/2018/NQ-HĐQT	12/6/2018	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
9	08/2018/NQ-HĐQT	12/6/2018	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP
10	08A/2018/ NQ-HĐQT	12/6/2018	Hủy HĐ nhận chuyển nhượng QSDĐ tại ĐH
11	09/2018/ NQ-HĐQT	14/6/2018	Phát hành trái phiếu
12	10/2018/ NQ-HĐQT	15/6/2018	Thành lập XN khai thác sét gạch ngói Phước Hòa
13	11/2018/NQ-HĐQT	22/6/2018	Cử người đại diện vốn tại HTX Thăng Long
14	12/2018/NQ-HĐQT	29/6/2018	Nhận chuyển nhượng quyền thành viên HTX dịch vụ vận tải-khai khoáng Thăng Long.
15	13/2018/NQ-HĐQT	05/7/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán
16	16/2018/NQ-HĐQT	31/7/2018	Nhận chuyển nhượng vốn góp tại công ty TNHH Huệ Minh
17	24/2018/NQ-HĐQT	23/8/2018	Thông qua kết quả phát hành, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung
18	25/2018/NQ-HĐQT	22/10/2018	Triển khai phát hành cổ phiếu ESOP
19	26/2018/NQ-HĐQT	02/11/2018	Thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

TRONG NĂM 2018, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY.

Nhằm để đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty, kịp thời đưa ra các Quyết định phù hợp trong từng thời điểm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ, đột xuất. Xác định các hoạt động của Công ty phải dựa trên các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:



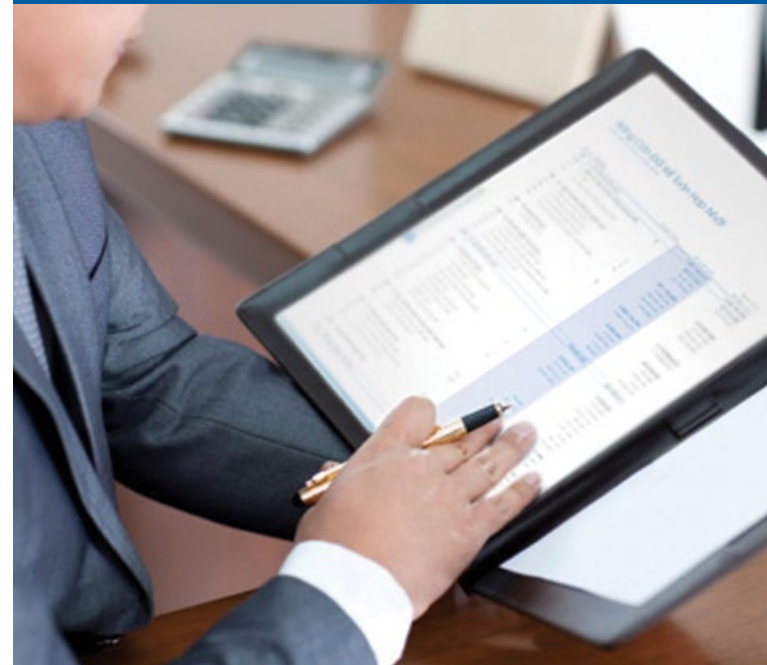
- » Chỉ đạo, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý; đôn đốc và giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- » Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thành công tốt đẹp.
- » Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- » Các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty. Dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết. Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
- » Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng Quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TGD

- » HĐQT đánh giá cao nỗ lực, vai trò của Tổng Giám đốc và tập thể Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2018.
- » Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.
- » Tổng Giám đốc cùng tập thể Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình bằng các giải pháp kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.
- » Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, can thiệp sâu vào công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, và tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty. Bên cạnh đó, Thành viên HĐQT độc lập còn tư vấn HĐQT trong việc định hướng chiến lược cũng như các công tác giám sát, điều hành...

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện tốt vai trò của mình trong năm 2018. Trong năm vừa qua, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đưa ra ý kiến đóng góp cho HĐQT. Ngoài ra, công tác tư vấn trong việc định hướng chiến lược và các công tác giám sát, điều hành cũng được Thành viên độc lập đưa ra nhằm giúp HĐQT tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động Quản trị công ty trong năm 2018 được HĐQT theo dõi sát sao và đưa ra các quyết định mang tính chất định hướng cũng như chỉ đạo kịp thời cho Ban Điều hành, góp phần đạt được các kế hoạch ĐHCĐ để ra và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2018, HĐQT cũng đã trình ĐHCĐ và được thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng thông qua Nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị công ty nhằm tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản trị.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2018

Thông qua việc trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban điều hành dưới hình thức họp định kỳ và bất thường, những chỉ đạo kịp thời được đưa ra để hoạt động Công ty đạt hiệu quả tối đa. Bên cạnh đó, việc trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban điều hành còn giúp điều chỉnh các mục tiêu đề ra phù hợp với tình hình thực tế, và triển khai thực hiện những Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ hiệu quả. Cụ thể:

- » Tổng doanh thu: 1.216 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch.
- » Lợi nhuận trước thuế: 409 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch.
- » Nợ ngân sách: 285 tỷ đồng đạt 125% kế hoạch.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019 CỦA HĐQT

Năm 2019, sẽ đánh dấu nhiều bước chuyển biến trong hoạt động SXKD và quản trị của Công ty. Do đó, HĐQT và Ban điều hành sẽ tiếp tục phát huy những thế mạnh sẵn có đồng thời khắc phục những khó khăn còn tồn tại để đáp ứng kịp thời với xu thế phát triển của thị trường, đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2019, cụ thể:

- » Tập trung tăng cường chỉ đạo, giám sát thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2019. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và Ban điều hành công ty để theo dõi, chỉ đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm;
- » Tăng cường chỉ đạo kiểm tra trong công tác tài chính để tiết kiệm các chi phí đầu vào, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các định mức tiêu hao để hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- » Đẩy mạnh công tác thị trường và đầu tư mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều giải pháp, giảm tối đa lượng hàng hóa tồn kho;
- » Khẩn trương hoàn thành các dự án đang đầu tư để phát huy hiệu quả. Đồng thời nhanh chóng hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án theo chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua, bảo đảm tiến độ và chất lượng;
- » Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng và tăng sản lượng khoáng sản được khai thác tại Đông Nam Bộ và các tỉnh thành khác. Phấn đấu đưa Công ty trở thành thương hiệu hàng đầu trong cung cấp vật liệu xây dựng tại khu vực và cả nước;
- » Giám sát các hoạt động đền bù, giải tỏa đất đai, phát triển hạ tầng. Xây dựng các phương án để sử dụng có hiệu quả quỹ đất tại các đơn vị phù hợp với từng địa bàn và quy hoạch của địa phương;
- » Quản trị tốt nguồn nhân lực, có kế hoạch đào tạo, huấn luyện cụ thể năm 2019. Tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới tổ chức, kiện toàn bộ máy của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, có trình độ và lao động có tay nghề đủ điều kiện để đáp ứng các yêu cầu và vận hành các dự án mới;
- » Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, góp vốn kinh doanh.

HĐQT giám sát việc thực hiện triển khai kế hoạch 2018 của Ban Tổng Giám đốc công ty hàng tháng, quý để có sự phối hợp kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) của BIMICO gồm 3 thành viên và hoạt động dựa trên Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty để ra cũng như pháp luật hiện hành. BKS của Công ty đã tổ chức 03 cuộc họp trong năm 2018.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp bks tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Công Sơn	Trưởng ban	18/04/2017	3/3	100%	
2	Mai Văn Lịch	Thành viên	16/04/2014	3/3	100%	
3	Nguyễn Thị Bích Liễu	Thành viên	18/04/2017	3/3	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- » Giám sát tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- » Giám sát việc giữ chứng từ sổ sách của Công ty
- » Giám sát việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty
- » Phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác.
- » Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Công ty, hoạt động công bố thông tin và công tác quản trị công ty.
- » Ban Kiểm soát có những hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời về các quy định mới

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: Không có

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC

» Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

» BKS có những hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời về các quy định mới cũng như có những ý kiến đóng góp trong các quy trình liên quan đến quản trị công ty.

» BKS cùng với phòng Tài chính-Kế toán phối hợp làm việc với công ty kiểm toán Delloite thực hiện báo cáo soát xét BCTC 2018.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

TOP 100
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2018

TOP 200 DOANH NGHIỆP
KINH DOANH HIỆU QUẢ CỦA CHÂU Á

NĂM 2018 BIMICO (KSB) VINH DỰ NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG UY TÍN NHƯ TOP 100 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT, TOP 200 DOANH NGHIỆP CÓ DOANH THU DƯỚI 1 TỶ USD KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT CHÂU Á DO TẠP CHÍ FORBES CÔNG BỐ.

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận được giao tại ĐHCĐ. Năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn từ mảng kinh doanh đã xây dựng do việc chậm được cấp phép khai thác mỏ Tân Đông Hiệp, cũng như các dự án hạ tầng, bất động sản chậm triển khai đã ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ đã xây dựng. Tuy nhiên, việc chủ động đẩy mạnh đền bù, cho thuê cũng như phương pháp hoạch toán doanh thu và lợi nhuận từ khu công nghiệp đã giúp Công ty tiếp tục tăng trưởng trong năm 2018.

Trong năm qua với các giải thưởng uy tín như Top 100 Sao vàng Đất Việt, đặc biệt là việc lọt vào danh sách 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD kinh doanh hiệu quả nhất châu Á do Tạp chí Forbes công bố là những thành quả rất đáng khích lệ đối với Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên của Công ty.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty. Ngoài ra, công tác hỗ trợ các địa phương cũng được thực hiện đầy đủ, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

GIAO DỊCH, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BGD

CÔNG TY ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, TƯƠNG XỨNG VỚI NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ CÔNG VIỆC CỦA TỪNG THÀNH VIÊN.

Trong năm 2018, tổng thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát là: 6.542.867.288 đồng lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	8.786.415.863	8.163.363.480



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

BIMICO luôn chú trọng việc nâng cao kiến thức quản trị cũng như cập nhật thông tin về Thông lệ quản trị tốt cho các thành viên HĐQT và BGD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị công ty. Thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị công ty, khả năng tiếp cận nguồn vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng được tăng cường.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn đảm bảo việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, và quy chế nội bộ trong công tác quản trị công ty để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty cũng như các bên liên quan.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN:

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần:

- » Số lượng cổ phần đang lưu hành: 53.779.882 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 53.779.882 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	2.049	44.793.310	95,71%
Cá nhân	2.021	32.600.814	69,66%
Tổ chức	28	12.192.496	26,05%
Cổ đông nước ngoài	49	2.006.690	4,29%
Cá nhân	31	111.052	0,24%
Tổ chức	18	1.895.638	4,05%
Tổng cộng	2.098	46.800.000	100%
Cá nhân	2.052	32.711.866	69,90%
Tổ chức	46	14.088.134	30,10%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông

Mã chứng khoán: KSB

Mệnh giá: 10.000 đồng/01 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.300.000 cổ phiếu

Phương thức phát hành: Phát hành trực tiếp cho nhân viên Công ty

Mục đích phát hành: Ghi nhận đóng góp của cán bộ quản lý và người lao động, tăng cường ổn định nhân sự, sự gắn kết và cống hiến lâu dài của người lao động, đóng góp cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



4

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	76
Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội	80
Hoạt động cộng đồng xã hội	82
Hoạt động văn hóa đoàn thể	84
Chính sách liên quan đến người lao động	88
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	92

GẮN KẾT **CỘNG ĐỒNG** **XÂY BỀN THƯƠNG HIỆU**

KHÔNG NHỮNG NỖ LỰC TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, BIMICO (KSB) CÒN ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẾN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP, LÀ ĐƠN VỊ TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI, HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG. CÙNG VỚI NHIỀU CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHÁC, KSB LUÔN QUAN TÂM ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, CÁC PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CBCNV.

”





TRONG SUỐT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN 25 NĂM QUA, CÔNG TY LUÔN CÓ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ, GÌN GIỮ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG THỜI THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI, GHI LẠI DẤU ẤN CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN CỦA BIMICO ĐIỀU ĐÓ KHÔNG CHỈ THỂ HIỆN NGHĨA CỬ CAO ĐẸP MÀ CÒN THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM CHUNG TAY DỰNG XÂY MỘT XÃ HỘI NGÀY CÀNG NHÂN VĂN.

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG VÀ ĐƯỢC ƯU TIÊN NHƯ TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHÁC. CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ DUY TRÌ NGAY TỪ NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN NHẪM GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐỒNG THỜI NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN.





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHÍNH LÀ KẾT QUẢ CỦA HÀNH ĐỘNG TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG. LÀ KHỞI NGUỒN CỦA NHỮNG HÀNH ĐỘNG THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM TRƯỚC CỘNG ĐỒNG, LÀ CÁCH THIẾT THỰC VÀ HIỆU QUẢ NHẤT GÓP PHẦN GIỮ MÔI TRƯỜNG “XANH - SẠCH - ĐẸP”.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Bên cạnh đó, chi phí năng lượng ảnh hưởng đến chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu trong sản xuất để mang lại lợi nhuận cao hơn. Công ty luôn nhắc nhở nhân viên thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật điều chỉnh lượng tiêu thụ năng lượng phù hợp trong nhà xưởng, vận chuyển,...

Năng lượng tiêu thụ tại một số đơn vị tiêu biểu

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018
Tân Đông Hiệp	Kwh	7.537.210	8.753.424	5.927.877
Phước Vĩnh	Kwh	3.522.100	3.180.270	6.691.000
Tân Mỹ	Kwh	2.995.577	5.403.000	4.597.051
TỔNG	Kwh	14.054.887	17.336.694	17.215.928

NĂM 2018, LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG TẠI CÁC NHÀ MÁY CỦA BIMICO VÀ TỶ LỆ TIÊU THỤ NƯỚC TRONG SẢN XUẤT CÓ XU HƯỚNG GIẢM QUA CÁC NĂM DO BIMICO TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN TIẾT KIỆM NƯỚC.

SỬ DỤNG NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước được sử dụng tại BIMICO là nguồn nước sạch của Công ty cấp thoát nước Tỉnh Bình Dương cung cấp, dùng cho các mục đích sản xuất, khu công nghiệp, nhà xưởng và sinh hoạt (nấu ăn, vệ sinh, tưới cây cảnh...).

Lượng nước sử dụng tại một số đơn vị tiêu biểu

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018
Tân Đông Hiệp	m ³	281.143,00	251.703,80	152.570,00
Phước Vĩnh	m ³	218.951,00	188.868,00	131.325,00
Tân Mỹ	m ³	192.960,00	171.644,00	163.180,00
TỔNG	m ³	693.054,00	612.215,80	447.075,00

Phương pháp đánh giá: lượng nước được tính theo tổng hóa đơn thanh toán tiền nước mỗi tháng và được tính trên tình trạng sản lượng sản xuất cụ thể trong tháng.

NGUỒN NƯỚC (tiếp theo)

Nước được tái chế và tái sử dụng

Trước tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất đang là đề tài nóng được cộng đồng xã hội quan tâm, do đó nguồn tài nguyên nước trong giai đoạn hiện nay là vô cùng quý giá. Sớm nhận thức được điều này, BIMICO đã có sự chuẩn bị trước cho việc thu hồi, tái sử dụng nguồn nước thải sau khi được xử lý đạt các tiêu chuẩn quy định.

Vì vậy, khi đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã thực hiện xây dựng hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng và sử dụng nguồn nước sông để tưới cây thay cho nước máy. Lượng nước tái sử dụng năm 2018 đạt 6%.



GIẢI PHÁP TIẾT KIỂM NƯỚC TRONG NĂM 2018

Để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước, BIMICO đã tiến hành chuẩn hóa đường ống, lắp đặt lại thủy kế mới (đồng hồ nước) có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị có sử dụng nước. Theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty.

Công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng trên từng dây chuyền thiết bị và từng nhà máy sản xuất.

Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sản xuất khoa học, sản xuất liên tục để giảm số lần vệ sinh máy, giảm tiêu hao năng lượng nước, giảm nguồn nước thải vệ sinh, tăng năng suất lao động dẫn đến giảm tiêu hao năng lượng nước/đơn vị sản phẩm. Đồng thời, thực hiện sử dụng nước hiệu quả thông qua việc thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, đảm bảo không bị rò rỉ nước, dễ kiểm soát và dễ sửa chữa khi có sự cố.



BÊN CẠNH ĐỊNH HƯỚNG TẬP TRUNG VÀO CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH HIỆU QUẢ, NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT KINH DOANH, UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG, CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁN SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG LUÔN Ý THỨC CHỦ TRỌNG ĐẾN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, HƯỚNG TỚI DOANH NGHIỆP THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Vi đặc thù ngành nghề kinh doanh của BIMICO có tác động đến môi trường hơn các ngành công nghiệp sản xuất khác, nhận thức được điều này Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường ngay từ đầu. BIMICO có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn phù hợp. Tất cả CBCNV của Công ty, đặc biệt lao động tại nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp thường xuyên được phổ biến về cách phân loại chất thải, rác thải, các quy định về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước... trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động.

Tất cả các nhà máy, xí nghiệp của BIMICO đều thực hiện đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động, các nhà máy, xí nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về môi trường, thực hiện đo đạc, giám sát môi trường định kỳ 1 quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng liên quan.

Năm 2018, BIMICO sẽ tiếp tục tích cực tham gia và khuyến khích CBCNV tham gia các phong trào vì môi trường như trồng cây xanh tại nhà máy, khu công nghiệp... Ngoài ra, Công ty sẽ không ngừng nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị trong sản xuất nhằm hạn chế tối nhất sự tác động và xả thải ra môi trường và nêu cao tinh thần chống lãng phí trong toàn bộ Công ty.





TỔNG KINH PHÍ
HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

7,6
TỶ ĐỒNG



ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG MÀ CÔNG TY HƯỚNG ĐẾN. BẰNG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SẢN XUẤT CÁC VẬT LIỆU CƠ BẢN VÀ QUAN TRỌNG CHO NGÀNH XÂY DỰNG TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG, CÔNG TY ĐÃ TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM CHO HƠN 500 LAO ĐỘNG, ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CHO NGUỒN THU CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HẰNG NĂM. BÊN CẠNH ĐÓ, BIMICO CŨNG NHANH CHÓNG XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ QUẢN LÝ, BẢO VỆ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN HỢP LÝ, TIẾT KIỆM, CÓ HIỆU QUẢ CAO, ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Năm 2018 vừa qua, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu... với tổng số tiền là: 7,606,171,550 đồng

Trong đó có các hoạt động tiêu biểu sau:

- » Công ty đã trao 100 suất học bổng cho học sinh vượt khó học giỏi trên địa bàn phường Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An: Tổng giá trị học bổng là 100 triệu đồng.
- » Trước đó, Công ty đã trao 54 suất học bổng cho học sinh huyện Bắc Tân Uyên với giá trị 22 triệu đồng; trao 100 suất cho học sinh huyện Phú Giáo trị giá 100 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty cũng vừa hỗ trợ Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh 100 triệu đồng trao học bổng cho học sinh nghèo của tỉnh.
- » Ngày 30/12, tại xã miền núi vùng cao Trà Leng, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương phối hợp với UBND huyện Nam Trà My và các nhà tài trợ khác đã tổ chức lễ khánh thành nhà nội trú trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) tiểu học Trà Leng tổng trị giá tài trợ gần 150 triệu.
- » Năm 2018, Công ty cũng đã phối hợp với phòng khám đa khoa C.HAT TP. HCM tổ chức khám chữa bệnh và phát quà cho các hộ dân khu vực xung quanh mỏ: tổng trị giá 140 triệu.

» Ngoài ra trong năm 2018, Nhân kỷ niệm 71 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ, sáng ngày 25-7, Ông Phan Tấn Đạt, Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cùng Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ và công nhân lao động Công ty đã dâng hương, hoa và viếng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương.

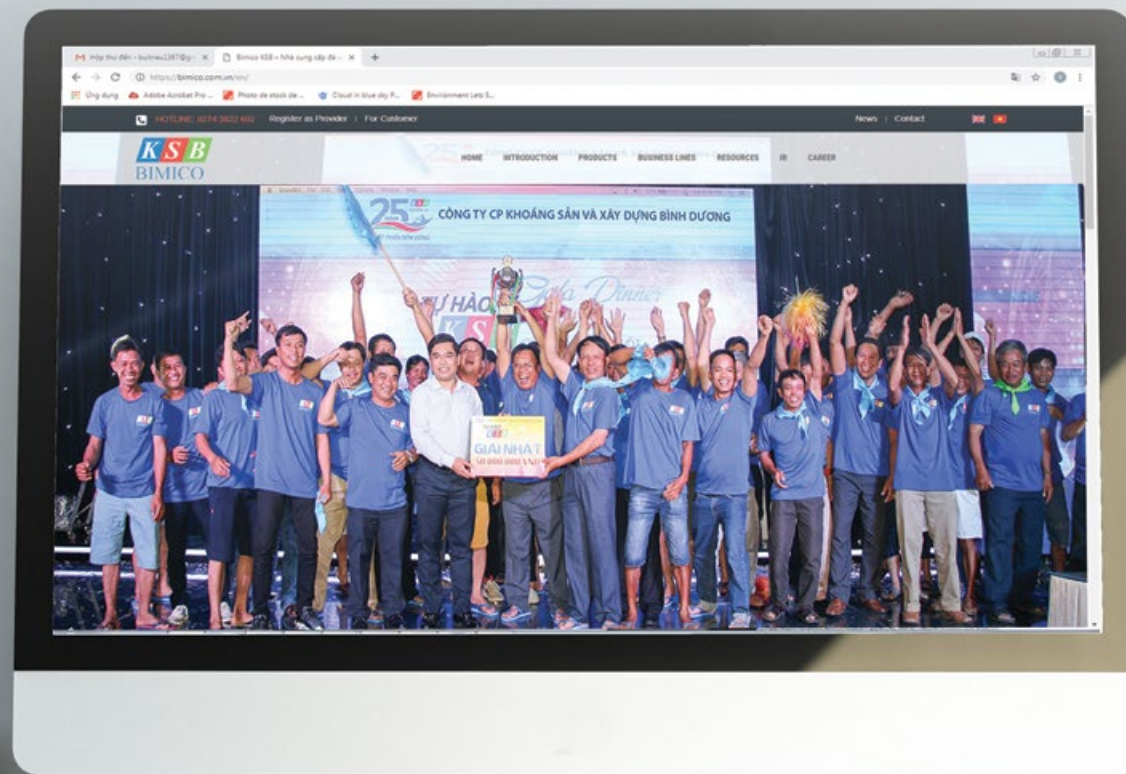
» Đây là hoạt động thường niên của BIMICO vào dịp kỷ niệm Ngày Thương binh-Liệt sĩ. Cùng với các hoạt động về công tác xã hội từ thiện, BIMICO luôn đặc biệt quan tâm và thường xuyên thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, tri ân các anh hùng liệt sĩ, phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng, giúp đỡ các thương bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ trong tỉnh.

» Công ty đã có nhiều đóng góp về công tác đền ơn đáp nghĩa, đây là một nghĩa cử cao đẹp, nhằm góp phần vun đắp và làm giàu thêm truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam: “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”.

» Hiện Công ty đang phụng dưỡng suốt đời 4 mẹ Việt Nam Anh Hùng tại địa bàn hoạt động của Công ty. Nhân dịp này Tổng Giám đốc cùng các đoàn thể trong Công ty cũng đến thăm và tặng quà cho các mẹ Việt Nam Anh Hùng và các gia đình chính sách của Công ty.



BAN LÃNH ĐẠO BIMICO LUÔN CHỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM LO ĐẾN ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CÁC CÁN BỘ, NHÂN VIÊN. SỰ QUAN TÂM SÂU SẮC NÀY ĐÃ TĂNG CƯỜNG SỰ TIN TƯỞNG, AN TÂM CÔNG TÁC CỦA CÁC CÁN BỘ, NHÂN VIÊN, TỪ ĐÓ CÓ ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC TỐT VÀ HIỆU QUẢ HƠN.



Tổ chức hội thao người lao động nhân dịp kỷ niệm ngày phụ nữ VN 20/10. Hội thao với những trận đấu kịch tính, hấp dẫn của các nội dung thi đấu, trên tinh thần học hỏi, giao lưu và kết nối BIMICO vì sự phát triển bền vững. Nhằm thúc đẩy phong trào thể dục thể thao, tinh thần rèn luyện sức khỏe của CBCNV trong Công ty, tạo sân chơi giao lưu thể thao giữa các đơn vị, hướng đến chúc mừng thành công của Đại hội Công đoàn toàn quốc.. hội thao được tổ chức đúng vào dịp kỷ niệm ngày thành lập phụ nữ Việt Nam 20/10 cũng đã mang lại một sân chơi bổ ích cho chị em phụ nữ trong công ty. Nhân dịp này Công đoàn, Đoàn cơ sở cũng đã phát động phong trào nhân tin ủng hộ quỹ Vì người nghèo, có gần 300 cán bộ và người lao động công ty đã thực hiện nhân tin ủng hộ quỹ “Cả nước chung tay vì người nghèo”, với mỗi tin nhắn 20.000 đồng.



• Tiếp nối chuỗi hoạt động kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB-BIMICO), trong 3 ngày 25- 27/5/2018 Công ty đã tổ chức chương trình Teambuilding cho hơn 300 CBCNV tại Phan Thiết với chủ đề: “Tự hào KSB chúng ta là một” nhằm khẳng định phương châm Đoàn Kết, Năng Động, Sáng Tạo, Phát Triển, Bền Vững.

Với các thành viên trong gia đình BIMICO, Teambuilding lần đầu tiên diễn ra đã để lại những kỷ niệm khó quên. Đó không chỉ là một chuyến du lịch kết hợp với các hoạt động thể thao đội nhóm mà còn là một dịp để mọi người thể hiện những cá tính riêng hoặc thử thách ý chí cá nhân, là một dịp để mọi người vui vẻ thoải mái bên nhau và thông hiểu nhau hơn. Chuyến đi đã khiến các thành viên BIMICO xích lại gần nhau hơn, đoàn kết hơn để từ đây có một BIMICO vững mạnh hơn.



HOẠT ĐỘNG
VĂN HÓA ĐOÀN THỂ (TIẾP THEO)

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật nhằm tạo ra hoạt động sinh hoạt bổ ích và thiết thực cho người lao động góp phần nâng cao nhận thức của người lao động về luật lao động, an toàn lao động, nội quy công ty, văn hóa doanh nghiệp, ... Đây là lần đầu tiên BIMICO tổ chức có sự chuẩn bị chuyên nghiệp nhất, qua đó Hội thi đã đạt được mục đích tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho người lao động về Luật Lao động, các nội quy, quy định, văn hóa doanh nghiệp BIMICO... đồng thời tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, thiết thực, giúp người lao động có dịp gặp gỡ, giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao ý thức an toàn, trách nhiệm trong công việc và tích cực tham gia các hoạt động phong trào công đoàn, góp phần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ SXKD của Công ty.



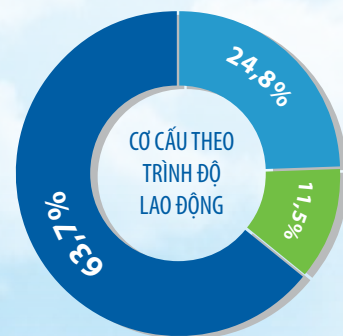
XÁC ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC LÀ NGUỒN TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT, QUYẾT ĐỊNH ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY, BIMICO CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG MỘT ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CÓ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TỐT, CÓ TÌNH THẦN TRÁCH NHIỆM CAO VÀ ĐƯỢC XEM LÀ MỘT TRONG NHỮNG CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN CỦA CÔNG TY. ĐỂ LÀM ĐƯỢC ĐIỀU ĐÓ, CẦN CÓ MỘT MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, CHUYÊN NGHIỆP THÚC ĐẨY SỰ ĐOÀN KẾT PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN THỂ CBCNV.



TỔNG SỐ CÁN BỘ NHÂN VIÊN
tính đến ngày 31/12/2018

521

NGƯỜI



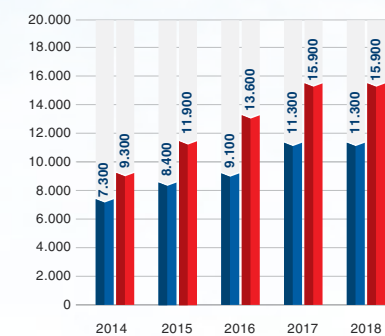
- Đại học và trên Đại học
- Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp
- Công nhân KT/LĐPT

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2018

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề xây dựng và khai thác khoáng sản. Số lượng Cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 521 người, với cơ cấu lao động cụ thể như trong bảng:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ lao động		100
Trình độ Đại học và trên Đại học	129	24,8
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	60	11,5
Công nhân kỹ thuật/Lao động phổ thông	332	63,7

MỨC LƯƠNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN (Đvt: nghìn đồng)



- Thu nhập bình quân
- Mức lương bình quân

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương áp dụng chính sách lương linh hoạt để phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo sự tăng trưởng thu nhập của nhân viên theo sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.


STT	Năm	Mức lương bình quân	Thu nhập bình quân
1	2014	7.300.000	10.300.000
2	2015	8.400.000	11.600.000
3	2016	9.100.000	13.600.000
4	2017	11.300.000	15.900.000
5	2018	12.500.000	16.500.000






ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC AN TOÀN VÀ ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nhu cầu được làm việc trong điều kiện an toàn và được chăm lo về sức khỏe của người lao động là chính đáng, BIMICO luôn cam kết:




01

Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.




02

Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn thường niên cho người lao động.



03

Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy mỗi năm một lần.



04

Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe. Ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật, người lao động còn được cung cấp những gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn.

T TRONG NĂM 2018 BIMICO CÓ SỰ CẢI TIẾN LỚN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN, QUẢN LÝ NHÂN SỰ. ĐỒNG THỜI LUÔN THỰC HIỆN ĐÚNG VÀ TUÂN THỦ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN

Thấu hiểu được năng lực của nhân viên đó là nền tảng vững chắc cho sức mạnh của BIMICO, hằng năm Công ty có các chính sách và chương trình đào tạo về kỹ năng lẫn trình độ cho CBCNV. Cụ thể các khóa đào tạo thể hiện trong bảng sau:



CHỈ TIÊU	ĐVT	2016	2017	2018
Số lượng khóa đào tạo:	Khóa			
Đào tạo nội bộ		-	1	
Đào tạo bên ngoài		4	3	0
Số lượt người tham gia đào tạo	Lượt người			2
Nhân viên		449	690	
Cấp quản lý		51	47	227
Số giờ đào tạo/Nhân viên	Giờ			2
Chi phí dành cho hoạt động đào tạo	Tỷ đồng			1.816
Chi phí kế hoạch		0.197	0.279	
Chi phí thực tế		0.197	0.279	0.068



Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- » Các khóa đào tạo về chuyên môn và kỹ năng cũng như các buổi tham gia huấn luyện thực tế được Công ty tổ chức thường xuyên trong và ngoài nước.
- » Ngày 17/9/2018 BIMICO đã tổ chức tập huấn định kỳ cho người lao động là thợ khoan đá, nổ mìn cho các xí nghiệp có sử dụng Vật liệu nổ (VLN) trong hoạt động sản xuất.

LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA CHỊU ẢNH HƯỞNG LỚN TỪ THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (BĐKH), VIỆT NAM ĐÃ XÁC ĐỊNH TĂNG TRƯỞNG XANH LÀ MỘT CHIẾN LƯỢC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

TÀI CHÍNH XANH LUÔN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ TRỌNG TÂM TRONG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TOÀN CẦU TRONG BỐI CẢNH BĐKH ĐANG DIỄN RA TRÊN TOÀN CẦU.

Năm 2018, Đề án phát triển trái phiếu xanh doanh nghiệp và trái phiếu xanh định chế tài chính sẽ được triển khai nghiên cứu với mong muốn Việt Nam sớm có sản phẩm thí điểm là trái phiếu doanh nghiệp xanh.

Tại Việt Nam, theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, trong đó có việc thực hiện rà soát, hoàn thiện khung chính sách tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh. Triển khai chính sách giá đối với mặt hàng xăng, dầu, điện, nước, đảm bảo nguyên tắc cơ chế giá thị trường, đồng thời khuyến khích sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng, hỗ trợ lãi suất của Nhà nước cho các chương trình, dự

án sản xuất - kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường, theo hướng đảm bảo lãi suất ưu đãi so với lãi suất thị trường đối với các hoạt động phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, các dự án đầu tư bảo vệ môi trường... Các dự án của Công ty luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn thân thiện với môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG (KSB) XÁC ĐỊNH CÔNG TY CHỈ CÓ THỂ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHI THỰC HIỆN KẾT HỢP MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG VỀ KINH TẾ GẮN LIỀN VỚI MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG. ĐỒNG THỜI TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP THỂ LUÔN ĐẢM BẢO CÂN BẰNG LỢI ÍCH GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN NHẪM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BIMICO.



5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	96
Báo cáo kiểm toán độc lập	98
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	99
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	100
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	102
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	103

TIẾP ĐÀ **TĂNG TRƯỞNG** CHO **KHÁT VỌNG VƯỜN XA**

BÊN CẠNH NGÀNH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, BIMICO CÒN ĐẶT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NHÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP LỚN TRONG KHU VỰC, XÁC ĐỊNH ĐÂY LÀ LĨNH VỰC CÓ NHIỀU TIỀM NĂNG TRONG THỜI GIAN TỚI BIMICO TIẾP TỤC MỞ RỘNG QUY MÔ VÀ DIỆN TÍCH. TRONG TƯƠNG LAI CÁC SẢN PHẨM CỦA BIMICO SẼ TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH MÌNH Ở NHỮNG CÔNG TRÌNH TẦM CỠ TRÊN CẢ NƯỚC.

”

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con được gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Đính	Thành viên
Ông Châu Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Võ Hùng	Giám đốc Tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Tấn Đạt

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con được gọi chung là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 99 đến trang 125, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

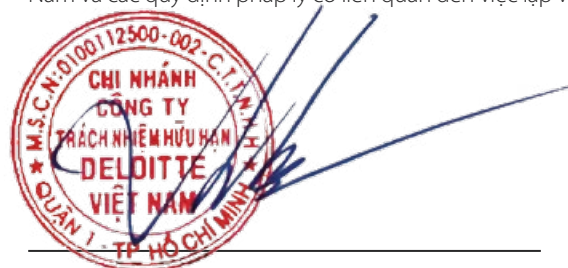
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 26 tháng 3 năm 2019
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn ngọc
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

			VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.750.319.133.371	693.264.287.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	125.292.059.071	316.146.668.225
1. Tiền	111		44.292.059.071	316.146.668.225
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	66.982.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	66.982.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.498.043.373.737	237.097.315.602
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	197.999.411.335	112.041.318.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	503.833.519.426	13.669.475.350
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	30.000.000.000	30.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	796.784.945.826	87.369.435.667
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.883.572.750)	(5.982.914.047)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		309.069.900	-
IV. Hàng tồn kho	140		50.223.730.086	63.562.667.732
1. Hàng tồn kho	141	10	50.223.730.086	63.562.667.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.759.970.477	9.475.136.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	74.785.803.346	8.884.311.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.741.459	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.915.425.672	590.825.109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.146.454.333.228	737.266.061.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.827.246.323	19.817.602.561
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.242.754.547	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	1.460.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	26.584.491.776	18.357.602.561
II. Tài sản cố định	220		200.290.214.918	143.758.199.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	100.327.937.744	142.719.388.397
• Nguyên giá	222		292.498.277.495	342.702.233.503
• Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.170.339.751)	(199.982.845.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	78.235.652.645	-
• Nguyên giá	225		83.384.228.306	-
• Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.148.575.661)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	21.726.624.529	1.038.811.080
• Nguyên giá	228		25.612.849.327	2.569.601.600
• Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.886.224.798)	(1.530.790.520)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	169.630.964.894	196.725.983.369
• Nguyên giá	231		239.691.630.107	239.691.630.107
• Giá trị hao mòn lũy kế	232		(70.060.665.213)	(42.965.646.738)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		412.719.033.815	170.198.087.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	412.719.033.815	170.198.087.963
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.964.042.534	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	32.964.042.534	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		303.022.830.744	206.766.188.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	219.341.765.260	200.738.842.612
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	19	9.469.142.718	6.027.345.918
3. Lợi thế thương mại	269	20	74.211.922.766	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.896.773.466.599	1.430.530.349.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.875.667.914.689	672.122.960.848
I. Nợ ngắn hạn	310		698.528.675.244	137.651.812.722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	35.111.189.228	28.094.135.847
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.367.388.621	3.044.201.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	53.507.534.615	32.223.545.741
4. Phải trả người lao động	314		3.434.382.163	3.130.200.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.425.610.026	221.728.366
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	16.574.129.451	14.504.890.445
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	462.037.971.368	15.772.332.224
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	72.478.123.248	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.592.346.524	40.660.778.613
II. Nợ dài hạn	330		1.177.139.239.445	534.471.148.126
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.000.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	589.384.992.749	504.310.957.598
3. Phải trả dài hạn khác	337	23	1.056.668.326	23.460.938
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	540.346.187.980	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	31.351.390.390	30.136.729.590
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.021.105.551.910	758.407.388.840
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.021.105.551.910	758.407.388.840
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		537.798.820.000	468.000.000.000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		537.798.820.000	468.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.658.500	1.658.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.401.876.673	45.617.301.943
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		411.380.389.388	244.788.428.397
• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		160.549.608.397	82.627.882.201
• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		250.830.780.991	162.160.546.196
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.522.807.349	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.896.773.466.599	1.430.530.349.688

Lương Trọng Tín
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng



Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.169.733.459.712	1.098.763.174.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		740.484.485	4.700.751.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	1.168.992.975.227	1.094.062.423.772
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	598.445.729.235	659.888.003.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		570.547.245.992	434.174.420.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	21.516.616.875	15.190.692.443
7. Chi phí tài chính	22		30.368.962.915	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.293.491.910	-
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(2.035.957.466)	-
9. Chi phí bán hàng	25	34	74.380.059.773	60.474.015.399
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	84.061.509.254	47.200.098.763
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		401.217.373.459	341.690.998.678
12. Thu nhập khác	31		25.332.738.373	13.528.111.076
13. Chi phí khác	32		17.544.051.747	7.980.691.599
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.788.686.626	5.547.419.477
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		409.006.060.085	347.238.418.155
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	85.231.685.120	69.992.264.165
17. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(3.441.796.800)	37.576.260
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		327.216.171.765	277.208.577.730
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		327.143.364.416	277.208.577.730
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		72.807.349	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	5.454	4.577

Lương Trọng Tín
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng



Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	409.006.060.085	347.238.418.155
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	49.634.759.945	25.183.608.240
Các khoản dự phòng	03	26.115.319.503	4.193.901.588
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(410.366)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.552.014.087)	(18.819.055.984)
Chi phí lãi vay	06	30.293.491.910	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	495.497.206.990	357.796.871.999
Thay đổi các khoản phải thu	09	(160.637.562.140)	(43.385.047.195)
Thay đổi hàng tồn kho	10	13.610.940.772	(15.029.279.044)
Thay đổi các khoản phải trả	11	553.593.911.187	304.396.318.354
Thay đổi chi phí trả trước	12	(62.371.170.222)	(54.685.412.180)
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.850.464.875)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.414.983.668)	(76.628.823.046)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.507.373.905)	(61.796.173.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	703.920.504.139	410.668.455.442
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(791.593.571.291)	(150.994.819.847)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác	22	5.229.035.520	4.617.310.817
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(66.982.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	68.442.500.000	80.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(769.545.210.563)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	14.878.538.947	15.736.555.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.472.588.707.387)	(117.623.453.105)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.450.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	684.242.287.723	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.425.971.073)	-
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.013.132.922)	-
5. Cổ tức đã trả cho Cổ đông	36	(37.440.000.000)	(56.160.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	577.813.183.728	(56.160.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(190.855.019.520)	236.885.002.337
Tiền đầu năm	60	316.146.668.225	79.261.665.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	410.366	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	125.292.059.071	316.146.668.225


Lương Trọng Tín
Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng


Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hình thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế số 3700148825 điều chỉnh lần thứ 15 ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 521 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 515 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 4 công ty con và 1 công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp KSB	Bình Dương	100%	100%	Phát Triển Khu Công Nghiệp
2	Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long	Đồng Nai	100%	100%	Khai thác khoáng sản
3	Công ty TNHH Huệ Minh	Nghệ An	100%	100%	Khai thác khoáng sản
4	Công ty Cổ phần nước uống tinh khiết đóng chai Silkwater	Bình Dương	51%	51%	Sản xuất nước đóng chai

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Thanh Hóa	35%	35%	Cung cấp vật liệu xây dựng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con và Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) mà Công ty đã tham gia ký kết cho phép bên tham gia hợp đồng được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ hoạt động của hợp tác kinh doanh. Vì vậy, các hợp đồng này được hạch toán theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản:

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Lãi thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong trường hợp bên thuê có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính theo chính sách kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng tại Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Thanh Bình. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2056 đối với quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước và đến hết năm 2045 đối với cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ, mỏ sét Phước Hòa, mỏ cao lanh Minh Long được phân bổ theo sản lượng khai thác hàng năm tính trên tổng trữ lượng của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng giá trị trái phiếu theo mệnh giá (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác (nếu có) sẽ được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.026.147.609	1.490.823.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.265.911.462	314.655.845.129
Các khoản tương đương tiền	81.000.000.000	-
	125.292.059.071	316.146.668.225

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn 1 tháng và hưởng lãi suất cố định 4,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan	5.330.658.425	11.321.386.179
Công ty TNHH Ngọc Quý	16.495.703.816	6.981.691.735
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	19.441.262.500	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương	31.571.607.364	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	125.160.179.230	93.738.240.718
	197.999.411.335	112.041.318.632

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Dương (*)	500.000.000.000	-
Các khoản khác	3.833.519.426	13.669.475.350
	503.833.519.426	13.669.475.350

(*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương để thực hiện đền bù và thi công hạ tầng mở rộng Khu công nghiệp Đất Cước.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản cho vay này với số tiền là 21.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 đồng).

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi	-	1.039.961.667
Phải thu người lao động	354.726.135	1.426.364.000
Phải thu Bà Nguyễn Thị Loan	145.200.000	23.903.110.000
Ủy thác đầu tư	616.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Danh Việt (*)	157.676.667.000	-
Công ty Cổ phần Bất Động sản Minh Trí	-	58.000.000.000
Các khoản phải thu khác	22.008.352.691	3.000.000.000
	796.784.945.826	87.369.435.667
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	26.584.491.776	18.357.602.561
	26.584.491.776	18.357.602.561
	823.369.437.602	105.727.038.228

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	(21.000.000.000)	9.000.000.000	-	-	-
Các khách hàng khác	19.560.010.234	(9.883.572.750)	9.676.437.484	17.459.036.416	(5.982.914.047)	11.476.122.369
	49.560.010.234	(30.883.572.750)	18.676.437.484	17.459.036.416	(5.982.914.047)	11.476.122.369

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.127.646.048	10.687.279.841
Công cụ, dụng cụ	640.843.375	634.002.004
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	601.062.581	315.251.723
Thành phẩm	39.719.462.905	51.853.314.803
Hàng hóa	134.715.177	72.819.361
	50.223.730.086	63.562.667.732

Trong năm, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vì không có dấu hiệu suy giảm giá trị.

NGUỒN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	126.669.308.162	178.773.241.593	33.517.429.126	3.742.254.622	-	342.702.233.503
Tăng do hợp nhất	3.780.791.621	13.743.390.000	-	-	927.238.060	18.451.419.681
Tăng trong năm	4.294.701.899	42.574.155.163	-	194.454.545	1.547.727.273	48.611.038.880
Phân loại lại	(13.580.727.881)	12.806.259.502	761.327.879	13.140.500	-	-
Thanh lý	(1.173.910.416)	(114.709.323.698)	(393.545.455)	(989.635.000)	-	(117.266.414.569)
Số dư cuối năm	119.990.163.385	133.187.722.560	33.885.211.550	2.960.214.667	2.474.965.333	292.498.277.495
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	59.167.295.403	112.572.971.644	26.149.906.277	2.092.671.782	-	199.982.845.106
Tăng do hợp nhất	644.886.032	3.432.028.318	-	-	172.369.649	4.249.283.999
Khấu hao trong năm	4.935.827.781	9.859.066.395	1.370.600.074	308.687.413	98.133.052	16.572.314.715
Phân loại lại	(362.170.201)	192.937.964	212.179.888	(42.947.651)	-	-
Thanh lý	(1.173.910.416)	(27.308.717.397)	(393.545.455)	(129.805.801)	-	(29.005.979.069)
Giảm khác	-	371.875.000	-	-	-	371.875.000
Số dư cuối năm	63.211.928.599	99.120.161.924	27.339.140.784	2.228.605.743	270.502.701	192.170.339.751
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	67.502.012.759	66.200.269.949	7.367.522.849	1.649.582.840	-	142.719.388.397
Tại ngày cuối năm	56.778.234.786	34.067.560.636	6.546.070.766	731.608.924	2.204.462.632	100.327.937.744

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 118.352.286.552 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 112.757.846.062 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.767.644.080	3.722.220.653
- Chi phí cấp quyền khai thác	11.693.406.038	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.324.753.228	5.162.090.467
	74.785.803.346	8.884.311.120
b. Dài hạn		
- Chi phí đến bù	44.381.958.378	69.999.729.885
- Chi phí cấp quyền khai thác	42.857.723.856	34.490.960.977
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.365.999.313	2.411.839.505
- Chi phí thuê đất dài hạn	68.030.240.614	67.887.570.014
- Chi phí trả trước dài hạn khác	62.705.843.099	25.948.742.231
	219.341.765.260	200.738.842.612

Công ty đã dùng các quyền sử dụng đất và quyền lợi riêng liên quan tại Khu Công nghiệp Đất Cước, xã Đất Cước, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (KCN Đất Cước), các quyền khai thác mỏ khoáng sản và quyền lợi liên quan tại mỏ đá Tân Mỹ, mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ sét Phước Hòa, mỏ đá cao lanh Minh Long để thế chấp cho khoản vay bằng trái phiếu (xem Thuyết minh số 25).

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Từ công ty con chuyển sang	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	8.890.955.301	(661.014.360)	80.483.020.109	72.911.824.962	15.801.136.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.575.432.758	433.354.295	85.231.685.120	62.414.983.668	29.825.488.505
Thuế thu nhập cá nhân	(582.976.751)	-	12.934.590.127	11.204.200.841	1.147.412.535
Thuế tài nguyên	13.554.697.566	331.045.751	41.576.343.039	50.264.990.542	5.197.095.814
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	-	32.853.600.226	32.853.600.226	-
Thuế môn bài	-	-	22.000.000	22.000.000	-
Thuế tài nguyên	(7.848.358)	-	7.848.358	-	-
Phí bảo vệ môi trường	3.202.460.116	214.879.141	12.425.097.721	14.306.035.305	1.536.401.673
Phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	-	(300.000.000)	39.641.854.768	39.341.854.768	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	-	-	-	1.625.260.678	(1.625.260.678)
Các khoản phải nộp khác	-	-	184.253.334	184.253.334	-
	31.632.720.632	18.264.827	305.360.292.802	285.419.169.318	51.592.108.943

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập cá nhân	290.164.994	582.976.751
Thuế tài nguyên	-	7.848.358
Phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	1.625.260.678	-
	1.915.425.672	590.825.109
Các khoản phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	15.801.136.088	8.890.955.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.825.488.505	6.575.432.758
Thuế thu nhập cá nhân	1.147.412.535	-
Thuế tài nguyên	5.197.095.814	13.554.697.566
Phí bảo vệ môi trường	1.536.401.673	3.202.460.116
	53.507.534.615	32.223.545.741

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND		
	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tăng trong năm	82.524.399.107	859.829.199	83.384.228.306
Số dư cuối năm	82.524.399.107	859.829.199	83.384.228.306
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Khấu hao trong năm	5.050.189.597	98.386.064	5.148.575.661
Số dư cuối năm	5.050.189.597	98.386.064	5.148.575.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	77.474.209.510	761.443.135	78.235.652.645

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.807.721.600	761.880.000	-	2.569.601.600
Tăng do hợp nhất	22.282.247.727	-	110.000.000	22.392.247.727
Tăng trong năm	-	651.000.000	-	651.000.000
Số dư cuối năm	24.089.969.327	1.412.880.000	110.000.000	25.612.849.327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	890.541.156	640.249.364	-	1.530.790.520
Tăng do hợp nhất	1.416.827.824	8.688.485	21.999.996	1.447.516.305
Khấu hao trong năm	652.003.463	255.914.510	-	907.917.973
Số dư cuối năm	2.959.372.443	904.852.359	21.999.996	3.886.224.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	917.180.444	121.630.636	-	1.038.811.080
Tại ngày cuối năm	21.130.596.884	508.027.641	88.000.004	21.726.624.529

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm và cuối năm	53.947.575.587	172.344.176.035	13.399.878.485	239.691.630.107
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	13.640.944.620	26.358.100.268	2.966.601.850	42.965.646.738
Khấu hao trong năm	6.580.455.042	19.177.361.181	1.337.202.252	27.095.018.475
Phân loại lại		(983.931.345)	983.931.345	
Số dư cuối năm	20.221.399.662	44.551.530.104	5.287.735.447	70.060.665.213
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	40.306.630.967	145.986.075.767	10.433.276.635	196.725.983.369
Tại ngày cuối năm	33.726.175.925	127.792.645.931	8.112.143.038	169.630.964.894

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương; cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Thanh Bình.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty không có cơ sở định giá cũng như không có tài sản nào cùng loại để xác định giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	412.719.033.815	412.719.033.815	170.198.087.963	170.198.087.963

Trong đó

	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Công trình dự án mở rộng Khu công nghiệp Đất Cước	346.239.835.381		156.375.373.258	
- Công trình dự án mỏ đá Tam Lập	8.420.002.800		8.420.002.800	
- Công trình dự án mỏ sét Phước Hòa	42.239.046.000		-	
- Mua sắm tài sản cố định	5.655.800.139		-	
- Khác	10.164.349.495		5.402.711.905	
	412.719.033.815		170.198.087.963	

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Đầu tư vào các công ty liên kết	35.000.000.000		-	
- Phần lỗ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(2.035.957.466)		-	
	32.964.042.534		-	

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	VND	
	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	
Tại ngày đầu năm trước		6.064.922.178
Chuyển sang lợi nhuận trong năm		(37.576.260)
Tại ngày cuối năm trước		6.027.345.918
Chuyển sang lợi nhuận trong năm		3.441.796.800
Tại ngày cuối năm		9.469.142.718

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND	
NGUYÊN GIÁ		
Tăng do mua công ty con	78.059.458.017	
Số dư cuối năm nay	78.059.458.017	
HAO MÒN		
Khấu hao trong năm	(3.847.535.251)	
Số dư cuối năm nay	(3.847.535.251)	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	
Tại ngày cuối năm	74.211.922.766	

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TẠI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Từ công ty con chuyển sang	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	23.021.127.500	125.544.465.869	89.425.971.073	59.149.622.296	59.149.622.296
Nợ thuê tài chính dài hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	-	-	-	18.341.633.874	5.013.132.922	13.328.500.952	13.328.500.952
	-	-	23.021.127.500	143.896.099.743	94.439.103.095	72.478.123.248	72.478.123.248

Vay ngắn hạn của Công ty mẹ thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") với tổng hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng và đáo hạn ngày 07 tháng 6 năm 2019; Mục đích của khoản vay là nhằm bổ sung nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý; hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi theo mức lãi suất thông báo bởi Vietcombank tại ngày giải ngân.

Và vay ngắn hạn của Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long thể hiện khoản vay từ Vietcombank với tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng và đáo hạn ngày 19 tháng 10 năm 2019; Mục đích của khoản vay là nhằm bổ sung nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý; hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi theo mức lãi suất thông báo bởi Vietcombank tại ngày giải ngân.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TẠI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	58.687.821.854	18.341.633.874	40.346.187.980	40.346.187.980	
Tái phiếu phát hành	-	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000	500.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	
- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	51.300.000.000	-	51.300.000.000	51.300.000.000	
- Công ty Cổ phần Logistic Hàng Không	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	
- Các cá nhân khác	-	-	293.700.000.000	-	293.700.000.000	293.700.000.000	
	-	-	558.687.821.854	18.341.633.874	540.346.187.980	540.346.187.980	

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và có thời hạn thuê lần lượt là 48 tháng và 60 tháng kể từ ngày Công ty mẹ nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Khoản nợ thuê tài chính này không có bảo đảm và chịu lãi suất cho thuê áp dụng trong sáu tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 8,5 % / năm. Sau đó lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,8 % / năm.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số cuối năm
	19.044.011.122	21.956.124.530
Phải trả cho hoạt động kinh doanh khoáng sản	9.050.124.725	13.155.064.698
Phải trả cho hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác		
	28.094.135.847	35.111.189.228

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số đầu năm	Số cuối năm
	14.504.890.445	16.574.129.451
a. Ngắn hạn	14.504.890.445	16.574.129.451
- Doanh thu nhận trước		
b. Dài hạn	504.310.957.598	589.384.992.749
- Doanh thu nhận trước		
	518.815.848.043	605.959.122.200

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản tiền thuê và phí quản lý nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cốc với thời hạn thuê từ 41 năm đến 48 năm.

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số đầu năm	Số cuối năm
	217.551.520	564.067.070
a. Ngắn hạn	217.551.520	564.067.070
- Kinh phí Công đoàn	66.604.608	-
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp	2.670.633.252	451.713.133.605
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.313.402.981
- Thuế thu nhập cá nhân quyết toán thừa	12.817.542.844	8.447.367.712
- Phải trả khác	15.772.332.224	462.037.971.368
b. Dài hạn	23.460.938	1.056.668.326
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn		
	15.795.793.162	463.094.639.694

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO):

Trái phiếu phát hành thể hiện 5 ngàn trái phiếu do Công ty phát hành với mệnh giá là 100.000.000 đồng / trái phiếu. Khoản trái phiếu này có kỳ hạn từ 22 tháng 6 năm 2018 đến 22 tháng 6 năm 2022 với lãi suất 9,5 % / năm cho kỳ tính lãi đầu tiên. Lãi suất của trái phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng 3,3 % / năm. Lãi suất tham chiếu dùng để tính lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng hoặc tương đương được công bố trên website chính thức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (áp dụng cho chi nhánh sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (áp dụng cho khu vực Thành phố Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là ngân hàng tham chiếu) vào ngày xác định lãi suất cho kỳ tính lãi đó. Khoản gốc của trái phiếu sẽ được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn hoặc ngày mà các trái phiếu đến hạn thanh toán do các nguyên nhân khác theo các điều kiện trái phiếu này (tùy từng trường hợp áp dụng). Việc thanh toán lãi trái phiếu được thực hiện vào (i) ngày thanh toán lãi tương ứng (ii) ngày đáo hạn hoặc (iii) ngày mua lại trước hạn hoặc (iv) ngày mà các trái phiếu này (từng trường hợp áp dụng). Công ty đã dùng các quyền sử dụng đất và quyền lợi riêng liên quan tại Khu Công nghiệp Đất Cước, Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (KCN Đất Cước), các quyền khai thác mỏ khoáng sản và quyền lợi liên quan tại mỏ đá Tân Mỹ, mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ sét Phước Hòa, mỏ cao lanh Minh Long để thế chấp cho khoản trái phiếu này (Xem Thuyết minh số 11).

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

VND				
	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	19.162.890.318	-	13.328.500.952	-
Trong năm thứ 2	16.382.370.544	-	13.328.500.952	-
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	29.920.661.990	-	27.017.687.028	-
	65.465.922.852	-	53.674.688.932	-
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(11.791.233.920)	-	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	53.674.688.932	-	53.674.688.932	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(13.328.500.952)	-
Số phải trả sau 12 tháng			40.346.187.980	-

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN:

VND			
	Dự phòng chi phí cải tạo môi trường	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Tổng cộng
Tại ngày đầu năm	23.344.279.590	6.792.450.000	30.136.729.590
Tăng do hợp nhất	1.071.774.414	-	1.071.774.414
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	447.317.029	1.634.848.227	2.082.165.256
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(201.590.643)	(1.737.688.227)	(1.939.278.870)
Tại ngày cuối năm	24.661.780.390	6.689.610.000	31.351.390.390

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND						
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Được phép phát hành:						
Số lượng cổ phần	53.779.882			46.800.000		
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000			10.000		
Giá trị (đồng)	537.798.820.000			468.000.000.000		
Đã được phát hành và góp vốn đủ:						
Số lượng cổ phần	53.779.882			46.800.000		
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000			10.000		
Giá trị (đồng)	537.798.820.000			468.000.000.000		

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chi trả cổ tức của năm 2017 là 117.000.000.000 đồng, bằng 25 % vốn điều lệ. Trong đó, số tiền 32.760.000.000 đồng (tỷ lệ 7%) đã được tạm thanh toán trong năm 2017, phần còn lại sẽ được thanh toán trong năm 2018 bằng tiền mặt với số tiền là 37.440.000.000 đồng (tỷ lệ 8%) và bằng cổ phiếu với số tiền là 46.800.000.000 đồng (tỷ lệ 10%). Đồng thời, thông qua việc tăng vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 2.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng. Tại ngày 19 tháng 9 năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và tăng vốn điều lệ từ 468.000.000.000 đồng lên 514.798.820.000 đồng tương ứng với phần cổ tức bằng cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2018/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc triển khai phát hành ESOP 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã triển khai việc tăng vốn điều lệ theo chương trình ESOP 2018 với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 2.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng. Tại ngày 27 tháng 11 năm 2018, Công ty đã nhận được toàn bộ số tiền từ chương trình ESOP 2018 với giá trị 23.000.000.000 đồng cũng như đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2018 và tăng vốn điều lệ từ 514.798.820.000 đồng lên 537.798.820.000 đồng.

Các cổ phần (1 cổ phần/ cổ phiếu) sẽ được phát hành theo chương trình ESOP 2018 sẽ chịu quy định về hạn chế chuyển nhượng như sau:

- Hết năm thứ 2 (24 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2018): tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 50% trên tổng số lượng cổ phiếu được phát hành và chuyển giao.

- Hết năm thứ 3 (36 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2018): tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 50% trên tổng số lượng cổ phiếu được phát hành và chuyển giao còn lại.

Danh sách các cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phần trở lên và các cổ đông khác như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Công ty Cổ phần DRH Holding	14.468.960	26,90	144.689.600.000	10.453.600	22,34	104.536.000.000
Cổ đông khác	39.310.922	73,10	393.109.220.000	36.346.400	77,66	363.464.000.000
	53.779.882	100	537.798.820.000	46.800.000	100	468.000.000.000

27. **VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
Số dư đầu năm trước	234.000.000.000	234.000.000.000	1.658.500	251.896.444.170	123.331.757.201	-	609.229.859.871	468.000.000.000	758.407.388.840
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	277.208.577.730	-	277.208.577.730	234.000.000.000	23.000.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	27.720.857.773	(99.591.906.534)	-	(71.871.048.761)	69.798.820.000	2.450.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(56.160.000.000)	-	(56.160.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu	234.000.000.000	234.000.000.000	-	(234.000.000.000)	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	468.000.000.000	468.000.000.000	1.658.500	45.617.301.943	244.788.428.397	-	758.407.388.840	468.000.000.000	758.407.388.840
Tăng vốn trong năm	69.798.820.000	69.798.820.000	-	-	(46.798.820.000)	-	23.000.000.000	69.798.820.000	23.000.000.000
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	2.450.000.000	2.450.000.000	-	2.450.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	327.143.364.416	72.807.349	327.216.171.765	-	327.216.171.765
Phân phối các quỹ	-	-	-	23.784.574.730	(76.312.583.425)	-	(52.528.008.695)	-	(52.528.008.695)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(37.440.000.000)	-	(37.440.000.000)	-	(37.440.000.000)
Số dư cuối năm	537.798.820.000	537.798.820.000	1.658.500	69.401.876.673	411.380.389.388	2.522.807.349	1.021.105.551.910	537.798.820.000	1.021.105.551.910

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty mẹ đã trích quỹ đầu tư phát triển của năm 2018 là 23.784.574.730 đồng, quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 6.450.213.864 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi là 46.077.794.831 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018 sẽ được các cổ đông của Công ty mẹ phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

28. **CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	767	1.207
- Euro (EUR)	7	7

29. **BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Các thông tin bộ phận về các lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty như sau:

	VND		
Số cuối năm	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	Tổng cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	635.195.224.829	1.221.258.821.195	1.856.454.046.024
Tài sản không phân bổ	-	-	1.040.319.420.575
Tổng tài sản			2.896.773.466.599
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	21.956.124.530	1.057.563.777.805	1.079.519.902.335
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	796.148.012.354
Tổng nợ phải trả			1.875.667.914.689
			VND
Số đầu năm	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	Tổng cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	410.075.808.113	440.599.389.981	850.675.198.094
Tài sản không phân bổ	-	-	579.855.151.594
Tổng tài sản			1.430.530.349.688
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	23.344.279.590	518.815.848.043	542.160.127.633
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	129.962.833.215
Tổng nợ phải trả			672.122.960.848

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO):

Kết quả kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoạt động kinh doanh khoáng sản		
Doanh thu	797.819.931.885	906.332.812.870
Giá vốn	(532.023.842.042)	(550.434.665.138)
Lợi nhuận gộp	265.796.089.843	355.898.147.732
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Doanh thu	-	120.000.000.000
Giá vốn	-	(80.496.597.668)
Lợi nhuận gộp	-	39.503.402.332
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác		
Doanh thu	371.173.043.342	67.729.610.902
Giá vốn	(66.421.887.193)	(28.956.740.569)
Lợi nhuận gộp	304.751.156.149	38.772.870.333

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam nên không có khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	798.560.416.370	1.031.033.563.970
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	371.173.043.342	67.729.610.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	(740.484.485)	(4.700.751.100)
	1.168.992.975.227	1.094.062.423.772

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	532.023.842.042	630.931.262.806
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.421.887.193	28.956.740.569
	598.445.729.235	659.888.003.375

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.844.850.355	95.225.441.182
Chi phí nhân công	87.522.951.350	83.723.021.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.634.759.945	25.183.608.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.345.937.415	343.430.297.676
Chi phí khác	178.538.799.197	219.998.925.813
	756.887.298.262	767.561.294.711

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	21.515.244.280	15.110.795.920
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.372.595	79.896.523
	21.516.616.875	15.190.692.443

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm Nay	Năm Trước
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.005.702.512	1.932.979.220
- Chi phí lương nhân viên quản lý	10.245.449.925	9.564.619.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.240.598.442	1.063.007.653
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.436.664.888	44.888.574.508
- Các khoản chi phí khác	3.451.644.006	3.024.834.045
	74.380.059.773	60.474.015.399
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.446.614.962	1.335.104.754
- Chi phí lương nhân viên quản lý	26.791.160.654	24.192.030.602
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.725.480	1.429.984.344
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.520.332.505	10.906.849.372
- Lợi thế thương mại	3.847.535.251	-
- Các khoản chi phí khác	31.680.140.402	9.336.129.691
	84.061.509.254	47.200.098.763

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	409.006.060.085	347.238.418.155
Trừ:		
• Chi phí trích trước năm trước, đã thực hiện năm nay	(2.149.712.971)	(1.337.943.683)
• Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng:		
• Các khoản chi phí không được khấu trừ	25.988.782.107	2.858.908.019
Chuyển lỗ	(375.261.058)	-
Điều chỉnh do hợp nhất	(6.311.442.566)	-
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	426.158.425.597	348.759.382.491
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	85.231.685.120	69.751.876.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	-	240.387.667
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	85.231.685.120	69.992.264.165

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (2017: 20%) tính trên thu nhập tính thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	VND	
	Năm Nay	Năm Trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	327.143.364.416	277.208.577.730
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(46.077.794.831)	(41.581.286.660)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	281.065.569.585	235.627.291.070
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (*)	51.530.293	51.479.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.454	4.577

(*) 4.679.882 cổ phiếu phát hành thêm trong năm để trả cổ tức được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty. Do đó, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2017 đã được điều chỉnh lại phù hợp.

37. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIẾM TÀNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ("Nghị định 203") quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2016. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hoãn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

38. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	312.629.311.422	15.398.692.237

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	34.549.025.089	20.147.120.728
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	130.417.320.690	72.020.482.913
Sau năm năm	1.053.213.157.988	589.318.182.791
	1.218.179.503.767	681.485.786.432

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Đất Cốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và tại Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình với thời hạn thuê trung bình lần lượt là 47 năm và 05 năm.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần DRH Holding	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần DRH Holding	10.522.880.000	12.544.320.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:		
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	8.163.363.480	8.786.415.863

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾM TỆ HỢP NHẤT

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm 24.696.406.452 đồng là số tiền cần trừ với khoản thanh toán nợ thuế tài chính (năm 2017: không phát sinh). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 1.443.027.035 đồng liên quan đến chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán (năm 2017: không phát sinh). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2019, Công ty mẹ đã thành lập Công ty TNHH Cao Lanh Minh Long KSB, với vốn điều lệ 40 tỷ đồng, do Công ty mẹ làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.



Lương Trọng Tín
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng



Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.bimico.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

📍 Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao,
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

☎️ (0274) 3822.602

📠 (0274) 3823.922

✉️ info@bimico.com.vn

🌐 www.bimico.com.vn